

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**



**2022** | **BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN**

# MỤC LỤC



## THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 08 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Các giải thưởng tiêu biểu
- 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 22 Định hướng phát triển
- 24 Các yếu tố rủi ro

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 30 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 32 Tổ chức và nhân sự
- 41 Tình hình đầu tư
- 41 Tình hình tài chính
- 45 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 46 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 54 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 56 Tình hình tài chính
- 58 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 60 Kế hoạch phát triển trong tương lai

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

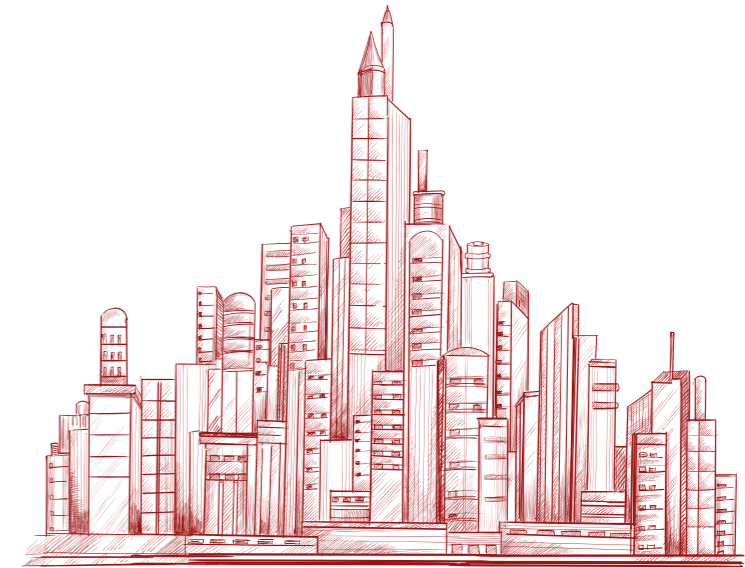
- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 68 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- 69 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 72 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 78 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 80 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 84 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

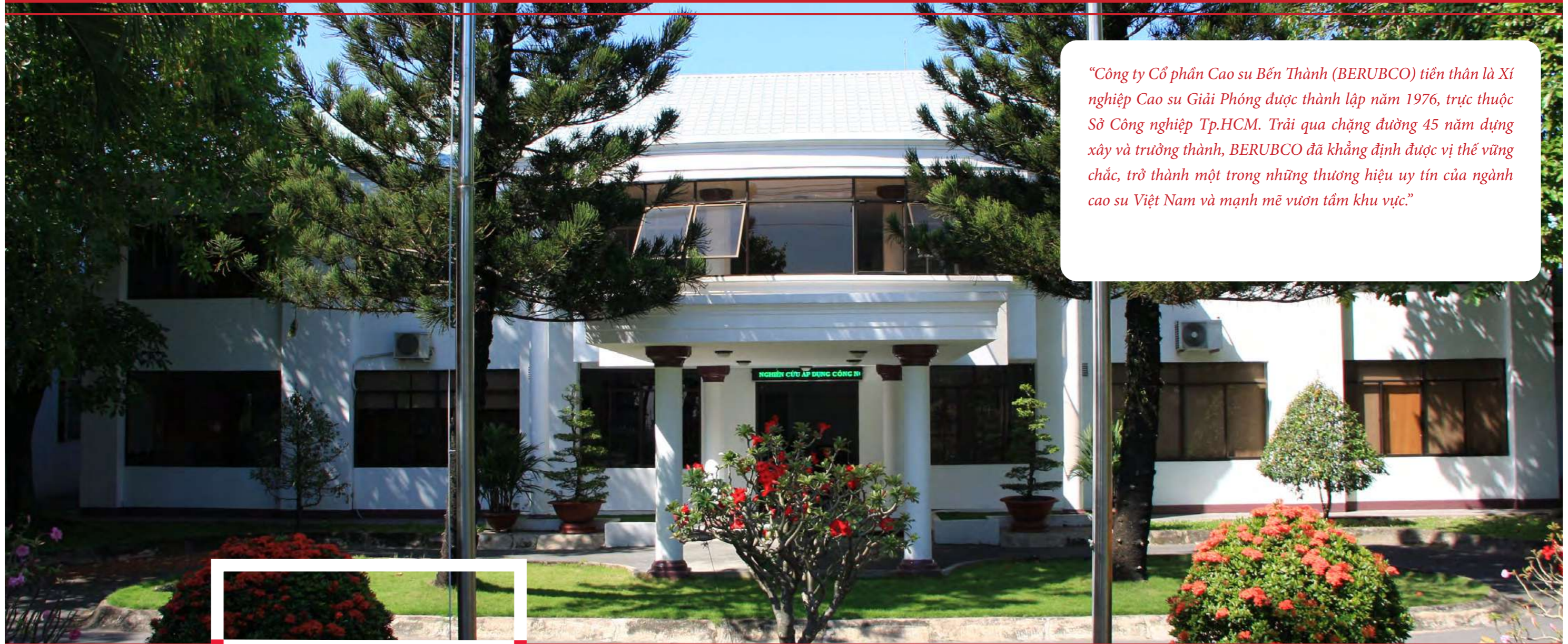


# 1

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát 06
- Quá trình hình thành và phát triển 08
- Các giải thưởng tiêu biểu 10
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 14
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý 20
- Định hướng phát triển 22
- Các yếu tố rủi ro 24





“Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (BERUBCO) tiền thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng được thành lập năm 1976, trực thuộc Sở Công nghiệp Tp.HCM. Trải qua chặng đường 45 năm dựng xây và trưởng thành, BERUBCO đã khẳng định được vị thế vững chắc, trở thành một trong những thương hiệu uy tín của ngành cao su Việt Nam và mạnh mẽ vươn tầm khu vực.”

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch</b>	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH
<b>Tên tiếng Anh</b>	: BEN THANH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	: BERUB JSC
<b>Mã chứng khoán</b>	: BRC
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN số</b>	: 0301150295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/09/2022.
<b>Vốn điều lệ</b>	: 123.749.970.000 đồng

<b>Địa chỉ</b>	: Lô B3-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
<b>Số điện thoại</b>	: (028) 3790 7619
<b>Số fax</b>	: (028) 3790 7461
<b>Website</b>	: <a href="http://www.berubco.com.vn">www.berubco.com.vn</a>

# QUÁ TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN HÌNH THÀNH



**1976**

Tiền thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng, trực thuộc Sở Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh, trụ sở chính ở nội thành quận 11.

**1994**

Đổi tên thành Công ty Cao su Bến Thành, trực thuộc Sở Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

**1998**

Công ty dời về khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi rộng 2 hecta và đầu tư mới thiết bị sản xuất hiện đại.

**2007**

Công ty hoàn tất thủ tục cổ phần hóa và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (BERUBCO) trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.

**2008**

Tăng vốn điều lệ lần thứ 1 từ 40 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.

**2010**

Tăng vốn điều lệ lần thứ 2 từ 75 tỷ đồng lên 82,5 tỷ đồng theo hình thức phát cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

**2011**

Cổ phiếu của BERUBCO được niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán BRC.

**2013**

Tăng vốn điều lệ lần 3 từ 82,5 tỷ đồng lên 123,75 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

**2015**

Tập trung hoàn thiện nhà máy băng tải lõi thép và chính thức đưa vào sử dụng

**2018**

Đầu tư và sản xuất thử nghiệm dự án Bánh xích cao su

**2020**

Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt là mặt hàng cao su kỹ thuật có sản lượng tiêu thụ tăng 121% so với kế hoạch năm 2020.

**2022**

Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt là mặt hàng cao su kỹ thuật có sản lượng tiêu thụ tăng 121% so với kế hoạch năm 2020.



# CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

## 2022

- Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2022.



- Đặc biệt, năm 2022 Đơn vị vẫn duy trì đạt thứ hạng cao trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam thuộc phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chứng nhận.



- Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2022.



## 2021

- Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI).



- Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM.



- Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS (ISO 17025)



- Chứng nhận thúc đẩy bình đẳng giới tại nơi làm việc.



# CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



## 2020

- Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý Chất lượng: ISO 9001:2000.



- Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu.



- Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững.



## 2019

- Chứng nhận sản phẩm tiêu biểu.



# “NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH”

## Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, sản phẩm cao su kỹ thuật, cao su nguyên liệu, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy.
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, sản phẩm cao su kỹ thuật, cao su nguyên liệu, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy.
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

## Ngành nghề kinh doanh

- BERUBCO cung cấp sản phẩm cho thị trường nội địa và xuất khẩu sang các nước như Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản, Indonesia, Singapore, ...





# DANH MỤC SẢN PHẨM

## BĂNG TẢI KHÁNG HÓA CHẤT

Dùng để truyền tải các loại hóa chất có tính ăn mòn phá hủy cao như acid mạnh:  $H_2SO_4$ , HCl, ...; kiềm: NaOH và các hoá chất khác như phân bón, Urê, Kali Nitrat, ...

*Đặc điểm:*

Lớp cao su mặt được làm từ hỗn hợp cao su đặc biệt ít bị phá hủy bởi hóa chất, giúp kéo dài tuổi thọ cũng như ngăn không cho các thành phần cao su bị phân tán ra tạo thành tạp chất vào vật liệu cần truyền tải.



## BĂNG TẢI LỖI THÉP THÔNG DỤNG

Được sử dụng trong các ngành công nghiệp nặng, khai thác than đá, nhà máy nhiệt điện, nhà máy gang thép, khai thác mỏ, ...

*Đặc điểm:*

Có khả năng chịu tải trọng cao, độ giãn tải trọng rất thấp, kháng va đập tốt, trong dây chuyền sản xuất dài, tải trọng nặng với tốc độ nhanh.



## BĂNG TẢI LỖI THÉP KHÁNG LỬA

Được sử dụng tại các dây chuyền sản xuất ở các nhà máy nung kim loại, nhà máy nhiệt điện, hầm lò ngành khai thác than đá và những ngành công nghiệp khác có nguy cơ phát cháy cao.

*Đặc điểm:*

Lớp cao su mặt và cao su cán tráng được làm bằng nguyên liệu đặc biệt có tính năng kháng bắt lửa đáp ứng tiêu chuẩn ISO, DIN, JIS và RMA.



## BĂNG TẢI TẠI BÈO

Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu hoặc sản phẩm dạng bột để bị rơi vãi ra hai bên.

*Đặc điểm:*

Ở hai biên có lớp cao su thẳng đứng dăng tai bèo dùng để chắn không cho nguyên vật liệu hoặc sản phẩm rơi vãi hai bên.



## BĂNG TẢI LỖI THÉP CHỊU DẦU

Dùng để chuyển tải những sản phẩm có dầu như thức ăn gia súc, phân bón, bã đậu nành và các sản phẩm có dầu khác.

*Đặc điểm:*

Lớp cao su mặt của băng này được làm từ hỗn hợp cao su NBR hoặc CR có tính năng chịu các loại dầu động thực vật và khoáng vật.



## BĂNG TẢI LỖI THÉP CHỊU NHIỆT

Được ưu tiên lựa chọn sử dụng ở các chuyên sản xuất nung quặng, than nung, chuyển tải clinker, xi măng, gang thép, ... và các dạng vật liệu có nhiệt độ cao khác.

*Đặc điểm:*

Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu cao su đặc biệt có khả năng chịu nhiệt độ từ  $100^{\circ}C \sim 200^{\circ}C$ , với khả năng kháng mài mòn, nứt gãy, cong vênh do nhiệt.



## CAO SU GIẢM CHẤN SÀN RUNG

Có cấu tạo nhiều lớp lõi vải, khả năng chịu lực cao dùng trong làm chân đế, chân máy... với mục đích chống rung, giảm tiếng ồn.

Nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn và công nghệ hiện đại đáp ứng tất cả các tính năng từ cơ bản đến kỹ thuật cao theo yêu cầu của khách hàng.



## PHỐT NƯỚC

Phốt nước dùng trong van bướm công nghiệp được làm bằng nguyên liệu hoàn toàn EPDM, van có khả năng đàn hồi và ôm chặt với đĩa van tạo độ kín tối đa.

Van bướm được sử dụng rộng rãi trong các hệ thống cấp thoát nước, PCCC và các hệ thống khác.



# DANH MỤC SẢN PHẨM

## BĂNG TẢI KHÁNG VA ĐẬP

Băng tải chuyên dụng trong môi trường chịu lực và đập cao như khai thác mỏ, gỗ, vật liệu tái chế, thép...

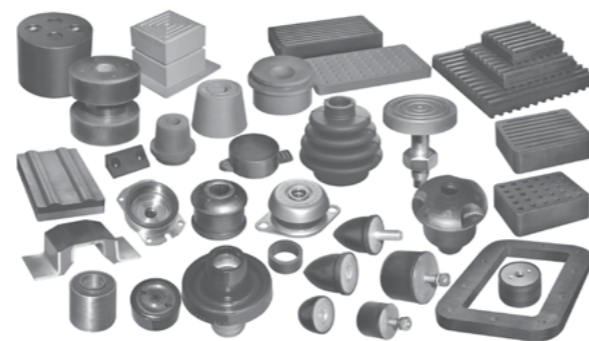


## PHỤ TÙNG CAO SU

Các loại gioăng cao su với các tính năng: chịu nhiệt, chịu hóa chất, chịu dầu, chịu đàn hồi, kháng bắt lửa, ...

Cao su đệm các loại, cao su chống va đập dùng trong ngành công nghiệp xe hơi, cấp nước cầu đường, xây dựng và các ngành công nghiệp khác.

Với nguyên liệu sử dụng: NR, BR, SBR, IR, CR, Viton, Silicone, Neoprene, Nitril, Butyl, EPDM sản xuất theo quy cách và bản vẽ của khách hàng.



## DÂY COURROIE LOẠI THÔNG DỤNG

Dây Courroie hình thang được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp cơ khí, máy móc ngành dệt may, ngành ô tô.

*Đặc điểm:*

Lực kéo đứt cao, độ dẫn thấp.

Chịu uốn và kháng mài mòn tốt.

Đồng nhất về chiều dài và tiết diện theo cỡ số.



## BÁNH XÍCH CAO SU

QUY CÁCH: B400x90x47



## TẤM CHẮN BÙN XE TẢI

Dùng cho ô tô có công dụng để chắn bùn.

## BĂNG TẢI NHÁM

Dùng để chuyển tải hàng đóng bao/ thùng, phụ tùng ô tô và các mặt hàng dễ bị biến dạng và dễ vỡ.

*Đặc điểm:*

Cao su bề mặt được thiết kế hình gân nhám để chuyển tải những mặt hàng dễ bị móp méo và dễ vỡ đi trên đoạn đường nghiêng góc từ 20 ~ 30 độ, có tính năng chịu mài mòn, kháng bắt lửa.

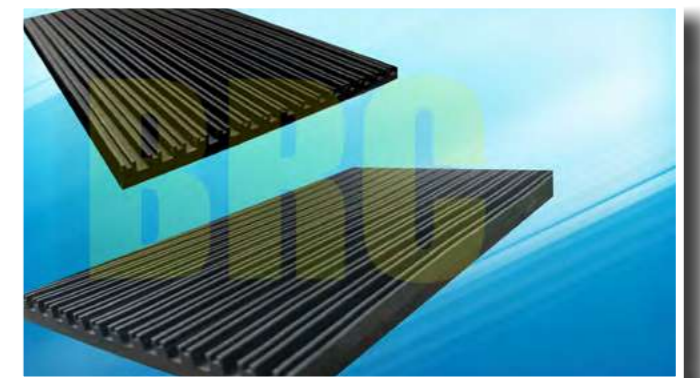
## BĂNG TẢI GÂN

Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu dạng bột hoặc hạt như cát, sạn, than mịn hoặc các loại nguyên liệu được đóng trong bao bì chuyển tải trên đoạn đường có độ nghiêng góc.

*Đặc điểm:*

Góc gân và bước gân được thiết kế phù hợp để cho băng tải di chuyển trên các con lăn.

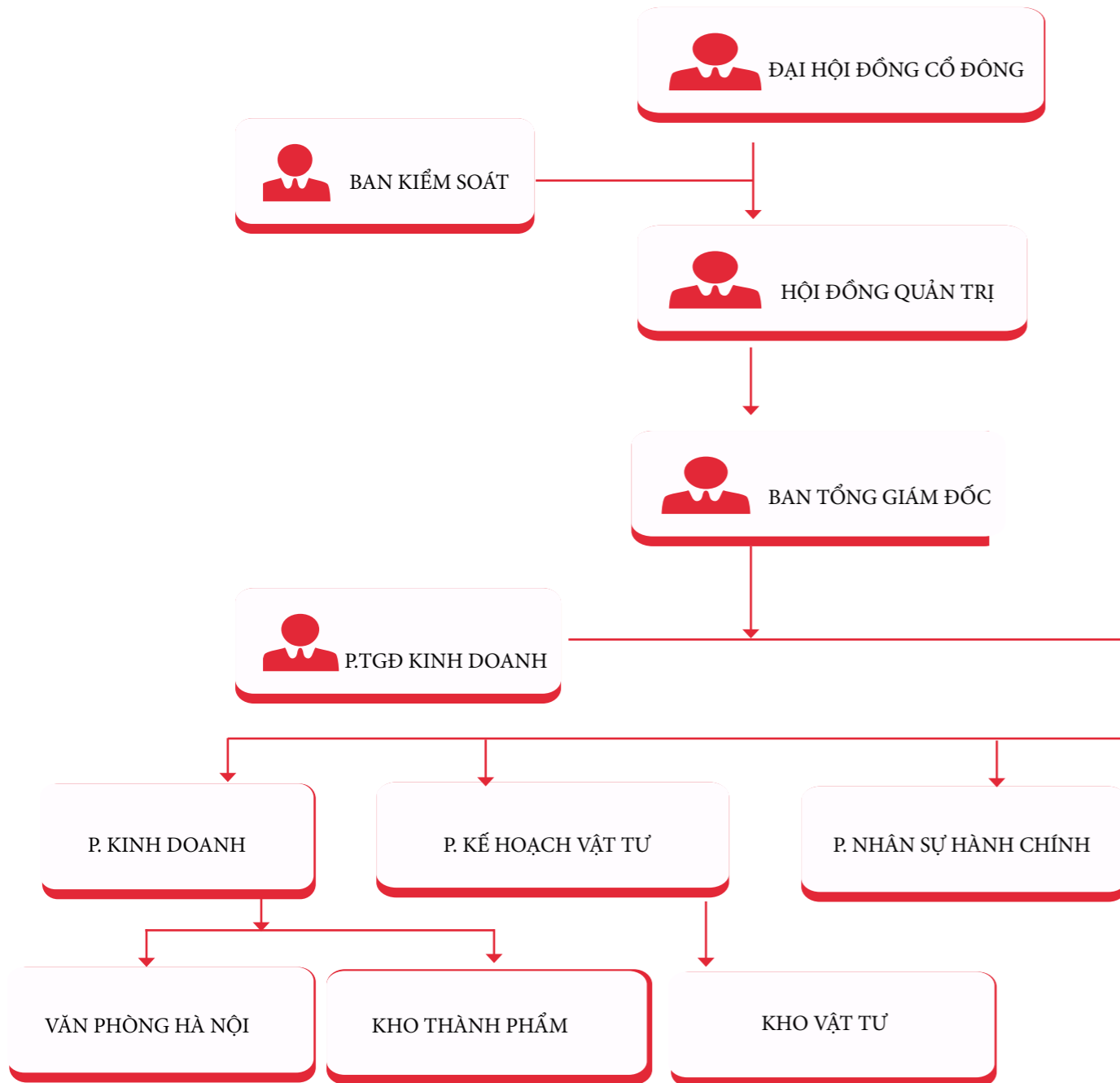
Các gân và lớp cao su mặt trên được đúc dính chặt với nhau bằng lưu hóa nóng.



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



## Cơ cấu bộ máy quản lý



## Mô hình quản trị

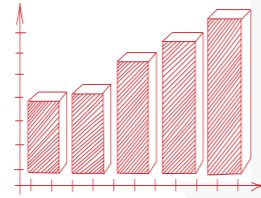
Mô hình quản trị công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc

## Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

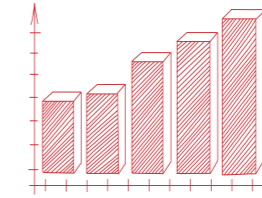


### Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục xây dựng Berubco phát triển bền vững, trở thành nhà sản xuất và cung ứng các sản phẩm băng tải cao su hàng đầu Việt Nam và phát triển ra thị trường quốc tế.
- Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh, tăng năng suất và tạo ra nhiều sản phẩm mới với chất lượng cải tiến và hiệu quả.
- Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ cao, có trách nhiệm; tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Xây dựng và phát triển thương hiệu Berubco uy tín, chất lượng.

### Các mục tiêu phát triển bền vững

- Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Đảm bảo cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác: khách hàng, cán bộ nhân viên, đối tác;
- Công ty hướng đến các mục tiêu vì cộng đồng xã hội để chung tay cùng Nhà nước chăm lo đời sống cho người dân như hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, tham gia ủng hộ: thiên tai lũ lụt, thăm hỏi, đóng góp hỗ trợ cho người nghèo trên địa bàn;
- Tích cực đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua việc nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, tiến hành kê khai và nộp đủ, kịp thời các loại thuế, phí tài nguyên, môi trường và bảo vệ môi trường và sự phát triển chung của địa phương, khu vực.



### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

#### GIAI ĐOẠN 2022 – 2023: Duy trì thị trường, khách hàng hiện tại và cải thiện chất lượng sản phẩm

- » Tiếp tục duy trì và phát huy hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong điều hành sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng từng sản phẩm;
- » Phân phối các sản phẩm cao su tùy thuộc vào diễn biến của thị trường. Đẩy mạnh sản phẩm chủ lực của công ty là băng tải cao su chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

#### GIAI ĐOẠN 2023 – 2025: Tăng trưởng ổn định sản xuất kinh doanh trên sản phẩm chủ lực băng tải cao su

- » Xác định nhóm sản phẩm băng tải cao su giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm phụ trợ như tấm chắn bùn, dây courroie, cao su kỹ thuật... Trong đó, xác định thị trường trong nước là động lực tăng trưởng chính, đặc biệt chú trọng phát triển và gia tăng tỷ trọng nhóm sản phẩm băng tải chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty.
- » Đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu. Ưu tiên tập trung nguồn lực cho hoạt động xuất khẩu nhằm củng cố năng lực cạnh tranh, nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP và EVFTA. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư, phát huy tối đa công suất phân phối sản phẩm tại thị trường nội địa.
- » Chú trọng công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mới.

## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### ⚠️ Rủi ro kinh tế

Năm 2022 được xem là một năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới. Áp lực lạm phát đã tích tụ trong quá trình phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19, chiến tranh quân sự giữa Nga – Ukraine và chính sách Zero-Covid của Trung Quốc đã gây thêm sự gián đoạn cho thị trường hàng hóa, đẩy giá cả hàng hóa, năng lượng trên nhiều thị trường tăng cao.

Là Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su như băng chuyền, dây courroie,... phục vụ cho các ngành sản xuất công nghiệp, tiêu biểu như xi măng, khai thác than, phân bón và một số ngành công nghiệp khác. Vì vậy mọi sự biến động của nền kinh tế nói chung hay những biến động trong lĩnh vực công nghiệp nói riêng đều ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.



Để giảm thiểu các rủi ro từ bất ổn kinh tế thế giới, Ban lãnh đạo Công ty phải thường xuyên cập nhật thông tin, nhanh chóng nắm bắt các diễn biến mới trên thị trường, từ đó đưa ra các quyết sách, định hướng kinh doanh và các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp.

### ⚠️ Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là loại rủi ro mà doanh nghiệp luôn ở thế bị động và khó có khả năng ứng phó nhất. Rủi ro tỷ giá gây tổn thất cho doanh nghiệp thông qua tác động đến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài trợ. Thời gian gần đây, tỷ giá biến động mạnh và khó dự đoán do lo ngại làn sóng dịch bệnh trở nên căng thẳng và những bất ổn tình hình kinh tế - chính trị thế giới. Năm 2022, Fed đã liên tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát tại Mỹ, kéo theo tỷ giá USD/VND đạt đỉnh kỷ lục trong năm. Công ty có các khoản vay bằng ngoại tệ để mua nguyên vật liệu cũng như xuất khẩu hàng hóa sang các quốc gia khác giao dịch bằng USD. Điều này tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phòng ngừa rủi ro tỷ giá là một quá trình theo đó Công ty áp dụng các giải pháp để bảo vệ mình khỏi sự tác động của biến động tỷ giá. Do đó, Công ty đã chủ động theo dõi diễn biến tiền tệ quốc tế để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh.



### ⚠️ Rủi ro pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và công nghiệp cao su nói riêng. Đối với Berubco, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Berubco còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, Công ty còn phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản với các yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ, trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường,...đặt ra nhiều thách thức cho Công ty.

Công ty luôn theo dõi và cập nhật những điều chỉnh về mặt pháp luật và chính sách của Nhà nước để kịp thời đưa ra các phương án điều chỉnh sao cho phù hợp nhất. Công ty cũng tiến hành theo dõi các quy định ở các nước có quan hệ với Công ty để linh hoạt lập kế hoạch, phương án kinh doanh một cách hiệu quả nhất. Công ty cam kết luôn tuân thủ các quy định pháp luật trong mọi hoạt động của mình.





### **⚠️ Rủi ro giá nguyên vật liệu**

Nguyên liệu đầu vào sử dụng trong sản xuất các sản phẩm của Berubco chủ yếu là cao su thiên nhiên chiếm khoảng 70%, còn lại là cao su tổng hợp và các nguyên vật liệu khác. Theo đó, giá cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên bị phụ thuộc bởi giá dầu thô (nguyên liệu để sản xuất cao su) nên việc điều chỉnh giá dầu thô sẽ tác động rất lớn đến chi phí đầu vào. Ngoài ra, nhu cầu gia tăng sản xuất sau đại dịch đã khiến giá các nguyên vật liệu nhanh chóng bị đẩy lên cao, tác động trực tiếp tới chi phí đầu vào của Công ty.

Là doanh nghiệp có uy tín và hoạt động lâu năm trong ngành, Berubco ý thức được rất rõ tầm quan trọng của việc bình ổn giá cả nguyên liệu đầu vào. Vì vậy, Công ty luôn thiết lập được mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác trong nước đảm bảo tính ổn định cho giá cả nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra, Công ty luôn lên kế hoạch sản xuất và dự báo trước để có chiến lược dự trữ hàng tồn kho hợp lý, tránh bị gián đoạn nguồn cung và gánh chịu chi phí đầu vào tăng cao.

### **⚠️ Rủi ro cháy nổ**

Nhà máy sản xuất các sản phẩm cao su là nơi có nguy cơ cháy nổ cực kỳ cao bởi vì nguyên liệu sản xuất đều là những sản phẩm, hóa chất dễ cháy. Điều kiện cháy xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về người, tài sản và ảnh hưởng đến môi trường.

Việc đảm bảo an toàn PCCC tại cơ sở sản xuất kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của Công ty. Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy.

### **⚠️ Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến đó là: thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh... Để giảm thiểu các thiệt hại khi xảy ra rủi ro bất khả kháng, Công ty đã có những phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ...





## 2

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 30
- Tổ chức và nhân sự 32
- Tình hình đầu tư 41
- Tình hình tài chính 41
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 45
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 46



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

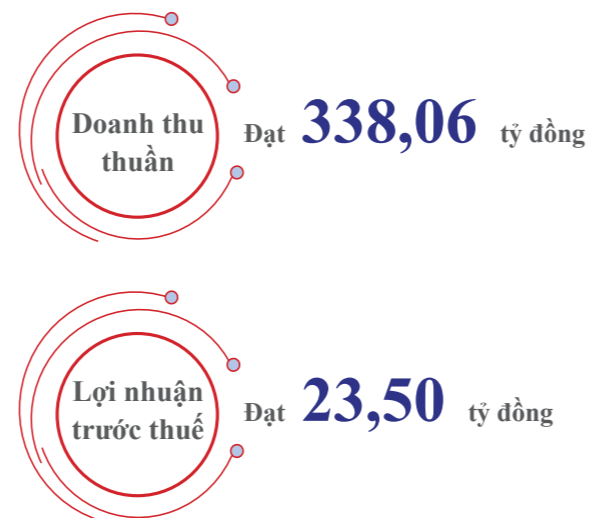
## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022

Năm 2022, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su đối mặt với nhiều thách thức toàn cầu từ biến động giá dầu mỏ, chiến tranh Ukraine – Nga, đứt gãy chuỗi cung ứng, sự hỗn loạn hệ thống logistics, cuộc chiến thuế quan Mỹ – Trung chưa có hồi kết, lạm phát đang ở mức cao đã làm ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực mà Công ty đang cung cấp. Tuy nhiên với những chính sách, giải pháp hợp lý Công ty đã linh hoạt nắm bắt, tận dụng nhiều biện pháp để sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả tối đa.

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021	% tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu thuần	338.058	348.077	-2,88%
2	Giá vốn hàng bán	262.908	268.555	-2,10%
3	Lợi nhuận gộp	75.150	79.523	-5,50%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	23.789	26.912	-11,60%
5	Lợi nhuận trước thuế	23.499	27.257	-13,79%
6	Lợi nhuận sau thuế	18.621	21.697	-14,18%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 ghi nhận doanh thu thuần đạt 338,06 tỷ đồng, giảm 2,88% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm băng tải giảm mạnh ở một số ngành nghề, cụ thể như ngành xi măng, phân bón. Trong năm, do suy giảm kinh tế toàn cầu vì dịch bệnh covid-19, ảnh hưởng từ chiến sự giữa Ukraina và Nga làm đứt gãy chuỗi cung ứng dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty tăng mạnh. Theo đó, lợi nhuận gộp năm 2022 đạt 75,15 tỷ đồng giảm 5,50% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt 18,62 tỷ đồng giảm 14,18% so với cùng kỳ.



## Sản lượng tiêu thụ trong năm 2022

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	% tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
Băng tải lõi vải	m <sup>2</sup>	159.235	187.957	-15,28%
Băng tải lõi thép	m <sup>2</sup>	12.885	20.042	-35,71%
Dây courroie	inch	17.562.666	21.206.336	-17,18%
Cao su kỹ thuật	kg	2.478.971	1.826.746	35,70%

Năm 2022, tổng sản lượng tiêu thụ băng tải 172.120 m<sup>2</sup>, giảm 17,25% so với tiêu thụ năm 2021. Mặc dù tình hình tiêu thụ băng tải thấp hơn cùng kỳ năm 2021 nhưng số lượng khách hàng tiêu thụ băng tải tăng từ 235 lên 257 khách hàng, tăng 9.3%. Sản phẩm dây courroie, tiêu thụ 17.5 triệu inch giảm 17,18% so với cùng kỳ.

Đối với dòng cao su kỹ thuật, sản phẩm tấm chắn bùn xuất vào thị trường Mỹ, Mexico, tấm lót sàn vào thị trường Nhật Bản, thanh cao su bida vào thị trường Mỹ, Indonesia. Năm 2022 sản phẩm thanh cao su bida không những có thêm những khách hàng từ Hàn Quốc mà còn đã phát triển thêm được 4 khách hàng trong nước. Theo đó, sản lượng tiêu thụ các sản phẩm cao su kỹ thuật là 2,5 triệu kg tăng 35,70%.

## Tình hình thực hiện so với kế hoạch

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	TH 2022/ KH 2022
1	Tổng doanh thu và thu nhập	340.154	343.822	98,93%
2	Lợi nhuận trước thuế	23.499	27.051	86,87%

Mặc dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi kinh tế phục hồi sau dịch Covid-19 nhưng Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch được đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Theo đó, tổng doanh thu (bao gồm cả doanh thu tài chính và thu nhập khác) là 340,15 tỷ đồng, đạt 98,93% so với kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận trước thuế là 23,50 tỷ đồng, hoàn thành 86,87% kế hoạch được giao.





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
<b>I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
1	Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 4.189.408	CN: 0% ĐD: 33,85%
2	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13% ĐD: 15,00%
3	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 2.457.587	CN: 0% ĐD: 19,86%
4	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
5	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 2.310.000	CN: 0% ĐD: 18,67%
<b>II. BAN KIỂM SOÁT</b>				
1	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	CN: 990 ĐD: 0	CN: 0,008% ĐD: 0%
2	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
<b>III. TỔNG GIÁM ĐỐC</b>				
1	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13% ĐD: 15,00%
2	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	CN: 2.539 ĐD: 0	CN: 0,021% ĐD: 0%
3	Huỳnh Ngọc Sơn	Kế toán trưởng	CN: 14.000 ĐD: 0	CN: 0,11% ĐD: 0%

## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông DIỆP XUÂN TRƯỜNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Năm sinh:** 1980

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ điện Nông nghiệp.

**Quá trình công tác:**

- 04/2005 – 12/2008: Nghiên cứu viên - Phòng đo lường tự động hóa Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch.
- 01/2009 – 12/2010: Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
- 12/2010 – 11/2018: Chuyên viên Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
- 12/2018 - nay: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
- 04/2019 – 06/2022: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.
- 07/2022 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

**Số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện vốn Tập đoàn Cao su Việt Nam: 4.189.408 cổ phần; chiếm 33,85% vốn điều lệ.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Ông NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC



**Năm sinh:** 1967

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư thiết kế máy

**Quá trình công tác:**

- 1991 - 2002: Quản đốc xưởng đế giày Công ty công nghiệp Cao su Rubimex.
- 2002 - 2005: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành.
- 2006 - 2007: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành.
- 2007 - 2016: Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành.
- 2016 - 2017: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.
- 2017 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

**Số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân: 16.698 cổ phần; chiếm 0,13% vốn điều lệ.
- Đại diện vốn Tập đoàn Cao su Việt Nam: 1.856.250 cổ phần; chiếm 15,00% vốn điều lệ.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.

### Ông NGUYỄN THANH PHÚC - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Năm sinh:** 1975

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ QTKD

**Quá trình công tác:**

- 02/2003 - 04/2004: Nhân viên Nhà máy Frit\_Men Khu công nghiệp Mỹ Xuân A
- 04/2004 - 09/2005: Nhân viên Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
- 09/2005 - 08/2007: Nhân viên Nhà máy xi măng Hòn Chông và Công ty xi măng liên doanh Holcim
- 08/2007 - 08/2008: Nhân viên Phòng Vật tư Thiết bị Công trình, Ban QLDA Xi măng Hà Tiên 1
- 08/2008 - 11/2009: Nhân viên Phòng Công nghệ Dự án, Ban QLDA XMHT1 - CTCP XMT1
- 11/2009 - 10/2011: Phó phụ trách Phòng Công nghệ Dự án, Ban QLDA XMHT1 - CTCP XMT1
- 10/2011 - 12/2015: Quản đốc Xưởng sửa chữa CN CTCP XMT1 - Nhà máy xi măng Bình Phước
- 12/2015 - 07/2018: PGĐ Kỹ thuật CN CTCP XMT1 - Nhà máy xi măng Bình Phước
- 08/2018 - 11/2019: Giám đốc CN CTCP XMT1 - Nhà máy xi măng Kiên Lương
- 11/2019 - nay: P.TGD Công ty kiêm GD nhà máy CN CTCP XMT1 - Nhà máy xi măng Kiên Lương
- 01/2022 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc nhà máy Chi nhánh CTCP Xi măng Hà Tiên 1 - Nhà máy xi măng Kiên Lương

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện vốn CTCP xi măng Hà Tiên 1: 2.310.000 cổ phần; chiếm 18,67% vốn điều lệ.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có

### Ông VĂN TRỌNG LONG THÀNH VIÊN HĐQT



**Năm sinh:** 1979

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ khí

**Quá trình công tác:**

- 06/2005 - 04/2007: Chuyên viên Công ty POSLILAMA Cơ khí và Xây dựng.
- 04/2007 - 06/2008: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật CTCP Thể thao Ngôi sao Geru.
- 06/2008 - 07/2009: Giám đốc xưởng cơ khí CTCP Thể thao Ngôi sao Geru.
- 01/2010 - 12/2010: Phó Phòng Quản Lý chất lượng CTCP Thể thao Ngôi sao Geru.
- 01/2011 - 06/2013: Giám đốc xưởng Bóng Da, P. GD xưởng sản xuất CTCP Thể thao Ngôi sao Geru.
- 07/2013 - 04/2014: Phó Phòng Tổ chức hành Chính CTCP Thể thao Ngôi sao Geru.
- 04/2014 - 01/2020: Chuyên viên Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 01/2020 - nay: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 06/2022 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

**Số cổ phần nắm giữ:** Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có.

### Ông NGUYỄN VIỆT HÀ THÀNH VIÊN HĐQT



**Năm sinh:** 1979

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân vật lý.

**Quá trình công tác:**

- 2002 - 2006: Chuyên viên P.Kỹ thuật Cơ điện - Công ty Thuốc Lá Bến Thành.
- 2006 - 2008: Phó Giám đốc XN thuốc lá Bến Thành 2 - Công ty Thuốc Lá Bến Thành.
- 2008 - 2010: Phó Giám đốc - Nhà máy thuốc lá Bến Thành.
- 2010 - 2013: Phó phòng P. Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn.
- 2010 - 2015: Phó phòng P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn.
- 2015 - nay: Giám đốc P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn.
- 05/2020 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc P. Kỹ thuật Chất lượng Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn

**Số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện vốn Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn: 2.457.587 cổ phần; chiếm 19,86% vốn điều lệ.

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

### Bà DƯƠNG HOÀI TRINH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Năm sinh : 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán.

Quá trình công tác:

- 2002– 2003: Làm việc tại Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bảo Châu.
- 2003 – 2004: Làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Nam Phát.
- 2004 - 2005: Làm việc tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa.
- 2008 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 990 cổ phiếu, chiếm 0,008% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

### Bà LƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Năm sinh : 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

Quá trình công tác:

- 2004 - 2014: Công tác tại Trung tâm Công nghệ phần mềm Sài Gòn – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.
- 04/2015 - nay : Công tác tại phòng Kế hoạch Kinh doanh – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.
- 04/2017 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

### Ông TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân vật lý.

Quá trình công tác:

- 10/2003 đến 2019: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1.
- 04/2019 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

### Ông HUỖNH ANH TUẤN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm sinh : 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tin học

Quá trình công tác:

- 2002 - 2004: Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
- 2004 - 2007: Phó Phòng kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
- 2007 - 2014: Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- 2014 - 2016: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- 2016 - 06/2020: Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
- 07/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 2.539 cổ phiếu, chiếm 0,021% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có

### Ông HUỖNH NGỌC SƠN - KẾ TOÁN TRƯỞNG



Năm sinh : 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Cao đẳng kế toán.

Quá trình công tác:

- 2002 - 09/2006: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cao su Bến Thành.
- 10/2006 - 2007: Phó Phòng Kế toán Công ty Cao su Bến Thành.
- 2007 - 2022: Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.
- 01/2022 –nay: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 14.000 cổ phần chiếm 0.11% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Bà Vy Thị Thanh Nhi (Vợ): 12.000 cổ phần chiếm 0.10% vốn điều lệ.

Sơ yếu lý lịch Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc vui lòng xem tại thông tin HĐQT

### Những thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Kế toán trưởng	01/01/2022	
2	Bà Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng giám đốc		05/08/2022

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tiêu chí	Năm 2021		Năm 2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I Theo trình độ lao động</b>					
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	38	18,10	38	17,35
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	19	9,05	18	8,22
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	9	4,29	6	2,74
4	Lao động phổ thông	144	68,57	157	71,69
<b>II Theo giới tính</b>					
1	Nam	171	81,43	177	80,82
2	Nữ	39	18,57	42	19,18
<b>III Theo thời hạn HĐLĐ</b>					
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	82	39,05	92	42,01
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	128	60,95	127	57,99
<b>Tổng cộng</b>		<b>210</b>		<b>219</b>	

## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Số lượng người lao động bình quân (người)	184	210	219
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm)	137,460	155,172	149,196

## Chính sách nhân sự



### Chính sách đào tạo

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Hàng năm, Công ty đều có chương trình đào tạo huấn luyện để củng cố và nâng cao kỹ năng cho đội ngũ lao động, bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

- Đào tạo nội bộ: Công ty thường xuyên tổ chức những khoá đào tạo tại chỗ cho cán bộ nhân viên của Công ty với khả năng và phương tiện sẵn có.
- Đào tạo bên ngoài: Cử người tham dự các giáo trình do các cơ quan, tổ chức bên ngoài tổ chức thực hiện.



### Chính sách tuyển dụng

Để đảm bảo đáp ứng nhân lực một cách kịp thời và đầy đủ, Công ty có chính sách tuyển dụng thỏa đáng, phù hợp với mặt bằng kinh tế - xã hội, đặc điểm ngành nghề và nhu cầu nhân lực. Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo kế hoạch thường niên và đột xuất, dựa trên:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tình hình thực tế về nhân lực tại các bộ phận;
- Nhu cầu thay thế lao động thôi việc hoặc hưu trí;
- Chính sách nhân sự, chính sách lao động-tiền lương và định hướng phát triển của Công ty.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Chính sách nhân sự



#### Môi trường công việc

Môi trường làm việc tốt sẽ phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo của nhân viên, góp phần nâng cao năng suất lao động. Hiểu được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty.

Công ty bố trí văn phòng làm việc cho CBCNV thoáng mát, thoải mái. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.



#### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Quan tâm đặc biệt đến đời sống CBCNV, Ban lãnh đạo đã thực hiện các chính sách phúc lợi, lương thưởng đã cam kết với người lao động. Đây cũng là một trong những thành công trong việc giữ chân nhân sự. Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của CBCNV nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích CBCNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động trong Công ty đi nghỉ dưỡng tập thể với chi phí do Công ty đài thọ. Người lao động trong Công ty được đảm bảo đầy đủ và thỏa đáng các chế độ phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, độc hại... tùy theo vị trí và đặc điểm công việc.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

### Các khoản đầu tư lớn

Trong năm Công ty đã thực hiện mua sắm thay thế:

- Thớt nhiệt của máy lưu hóa băng tải lõi thép do bề mặt đã bị rỗ và ăn mòn.
- Cụm mô tơ DC175HP + Hộp giảm tốc của máy cán tráng băng tải do đã sử dụng lâu năm và không ổn định.

Tổng giá trị: 2,454 tỷ đồng.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021	% tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	309.231	311.352	-0,68%
2	Doanh thu thuần	338.058	348.077	-2,88%
3	Lợi nhuận gộp	75.150	79.523	-5,50%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	23.789	26.912	-11,60%
5	Thu nhập khác	112	440	-74,59%
6	Lợi nhuận trước thuế	23.499	27.257	-13,79%
7	Lợi nhuận sau thuế	18.621	21.697	-14,18%
8	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	1.505	1.348	11,65%

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,11	2,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,23	1,22
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,99	32,06
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	47,04	47,18
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,16	3,37
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,09	1,15
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,51	6,23
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,83	10,38
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,00	7,17
Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	7,04	7,73



## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trải qua một năm qua với nhiều thách thức khi nền kinh tế dần phục hồi sau thời gian dài giãn cách xã hội để chống dịch nhưng Công ty vẫn duy trì được các chỉ số thanh toán tích cực. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt ở mức 2,11 và 1,23 lần tăng so với mức 2,02 và 1,22 lần năm 2021. Tính đến thời điểm 31/12/2022, Công ty ghi nhận khoản tiền và tương đương tiền ở mức 22,81 tỷ đồng tăng 55,49% so với cùng kỳ 2021, sự gia tăng này đến từ khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng nhằm mục đích chủ động bổ sung cho nguồn vốn lưu động để ứng phó kịp thời với các rủi ro có thể xảy ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm do giá nguyên vật liệu tăng cao nên Công ty ưu tiên sử dụng hàng tồn kho đã dự trữ và lựa chọn thời điểm phù hợp để tích trữ hàng tồn kho duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh nên hàng tồn kho của Công ty trong năm tăng nhẹ so với cùng kỳ. Theo đó tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 208,38 tỷ đồng tăng 3,58% so với thời điểm 31/12/2021.

Ngoài ra, trong năm Công ty đã thực hiện tất toán một phần các khoản công nợ đối với nhà cung cấp và các khoản thuế phải nộp nhà nước, điều này làm cho nợ ngắn hạn của Công ty tính đến thời điểm cuối năm giảm nhẹ so với cùng kỳ ghi nhận 98,93 tỷ đồng giảm 0,88%. Nhìn chung, các chỉ số về thanh toán của Công ty vẫn được đảm bảo ổn định, Công ty hoàn toàn có đủ nguồn lực để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ tới hạn trong tương lai.

## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Tính an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng. Do đó, cơ cấu nợ phải trả luôn được giữ ở tỷ trọng thấp qua các năm. Năm 2022, tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản đạt 31,99%, tỷ lệ này giảm nhẹ so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu đến từ sự gia tăng của tài sản ngắn hạn cụ thể là các khoản tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho. Tính đến cuối năm 2022, các khoản vay ngắn hạn ghi nhận 57,51 tỷ đồng tăng 24,71% so với cùng kỳ, đây là khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động thanh toán cho nhà cung cấp để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh giai đoạn cuối năm. Ngoài ra hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có, trong điều kiện thị trường còn nhiều rủi ro tiềm ẩn việc chủ yếu sử dụng vốn tự có sẽ giúp Công ty giảm được áp lực thanh toán nợ vay.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

03

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2022 là 3,16 vòng, giảm so với mức 3,37 vòng của năm 2021. Trong năm do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao nên Công ty đã chủ động cân đối sử dụng hàng tồn kho đã dự trữ và nỗ lực tìm kiếm các đối tác cung cấp nguyên vật liệu đầu vào với mức giá tối ưu nhất. Ngoài ra do nhu cầu tiêu thụ giảm trong năm nên hàng tồn kho công ty tăng chủ yếu là hàng thành phẩm.

Với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và doanh thu, cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua. Tuy nhiên việc hồi phục kinh tế sau dịch bệnh Covid-19 vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, theo đó doanh thu thuần trong năm ghi nhận 338,06 tỷ đồng giảm 2,88% so với năm 2021. Tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ, đạt mức 309 tỷ đồng giảm 0,68% so với cùng kỳ. Điều này dẫn đến vòng quay tổng tài sản của Công ty giảm từ 1,15 lần năm 2021 xuống 1,09 lần trong năm 2022.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

04

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm giảm mạnh so với năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh, bất ổn chính trị tác động đến nền kinh tế tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2022, lợi nhuận sau thuế đạt 18,62 tỷ đồng giảm 14,18% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do kinh tế phục hồi sau đại dịch còn gặp nhiều khó khăn, bất ổn chính trị giữa Nga – Ukraina đã ảnh hưởng đến giá dầu làm cho giá nguyên liệu đầu vào của Công ty tăng cao, dẫn đến chi phí sản xuất tăng mạnh trong năm. Theo đó, chỉ tiêu ROE và ROA giảm so với năm 2021 tuy nhiên vẫn duy trì ở mức cao lần lượt đạt 8,83% và 6,00%.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

»	Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 12.374.997 cổ phiếu
	• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 12.374.997 cổ phiếu
	• Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
»	Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
	Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng

### Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông Nhà nước	2.457.578	19,86	1
II	Cổ đông lớn	8.355.658	67,52	2
III	Cổ đông khác	1.561.761	12,62	492
1	Trong nước	1.500.641	12,13	474
2	Nước ngoài	61.120	0,49	18
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12.374.997</b>	<b>100,00</b>	<b>495</b>
1	Trong nước	12.313.877	99,51	477
2	Nước ngoài	61.120	0,50	18

Căn cứ công văn số 6065/UBCK-PTTT ngày 12 tháng 09 năm 2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là: 50%.

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có



**Các chứng khoán khác:** Không có

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Quản lý các vấn đề tác động đến môi trường trong suốt chuỗi giá trị hoạt động kinh doanh không chỉ nhằm tuân thủ yêu cầu pháp luật, mà còn thể hiện triết lý của một đơn vị sản xuất hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Quản lý các yếu tố tác động đến môi trường giúp công ty tạo được một môi trường làm việc trong sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo sức khỏe cùng điều kiện sinh hoạt của người lao động và các bên liên quan; đặc biệt là người lao động, những người chịu tác động và rủi ro trực tiếp từ môi trường làm việc.

*Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:*

-  Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất chế biến. Công ty đã đầu tư lắp đặt các hệ thống xử lý mùi, bụi, khí thải và đang hoạt động ổn định, kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại thải ra môi trường, hạn chế tối đa mức độ ô nhiễm do quá trình hoạt động sản xuất. Đồng thời, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động trong Công ty.
-  Đối với chất thải nguy hại: Tiếp tục thực hiện việc thu gom, phân loại và lưu trữ riêng biệt từng loại chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật, thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại cho nhà thầu xử lý chất thải và quản lý hồ sơ chứng từ đầy đủ.



Nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải chịu lực,... Vì vậy, Công ty luôn tập trung vào việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn định mức về tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu thụ cũng như các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm để tối ưu hóa quá trình sản xuất và giảm thiểu chi phí hoạt động.

Công ty luôn cập nhật, theo dõi tình hình thị trường thường xuyên, từ đó chủ động trong việc tìm kiếm, mua hàng và đàm phán giá với các nhà cung cấp, nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định về số lượng và chất lượng cũng như giá cả phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng mối quan hệ bền vững với các nhà cung cấp đáng tin cậy, đảm bảo chất lượng và giá cả ổn định trong dài hạn.

*Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.*



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không những giúp tiết kiệm chi phí trong Công ty mà còn góp phần bảo vệ môi trường, tránh lãng phí nguồn tài nguyên. Bên cạnh việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng thì việc kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc đang sử dụng cũng góp phần không nhỏ vào việc giảm tiêu hao năng lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động.



Chung tay cùng với Chính phủ, các tổ chức và cá nhân nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nước. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích CBCNV sử dụng nước tiết kiệm. Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bảo đảm nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường.



Công ty hiểu rõ sự quan trọng của việc bảo vệ môi trường, theo đó Công ty xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường giúp mỗi CBCNV trong công ty từ cấp cao nhất đến thấp nhất có ý thức về việc bảo vệ môi trường. Các hoạt động không có ảnh hưởng xấu đến môi trường, nhiên liệu tiêu thụ qua các năm thể hiện lượng phát thải không tăng hoặc tăng không đáng kể. Năm 2022, Công ty không vi phạm các quy định và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.





## Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



## Các hoạt động chăm lo đời sống cho nhân viên và xã hội

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, Berubco mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Ngoài các chương trình ủng hộ quỹ an sinh xã hội theo định kỳ hàng năm, Công ty cũng tham gia công tác tài trợ, hỗ trợ khác, v.v...

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện các công tác chăm lo đến đời sống người lao động và thực hiện công tác an sinh, xã hội như sau:

- Chăm lo quà nhân dịp Tết Nguyên đán 2022, hỗ trợ 25 tấm vé nghĩa tình cho Cán bộ công nhân viên ở xa quê như: Quảng Ngãi, Bình Định, Thanh Hóa, Nghệ An,...
- Tổ chức họp mặt, thăm hỏi nhân kỷ niệm các ngày lễ; chăm lo học bổng cho con người lao động, ...
- Ủng hộ Quỹ phòng chống bão lụt Thành phố.
- Ủng hộ Hội thi Bàn tay vàng cao su Tập đoàn.
- Ủng hộ xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi.
- Thăm mẹ Việt Nam anh hùng tại xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi nhân ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7.

Với những gì đã đạt được trong những năm qua, Công ty luôn cố gắng gìn giữ và tiếp tục phát triển, thực hiện những hoạt động ý nghĩa và những đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.





## 3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 54
- Tình hình tài chính 56
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 58
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 60



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2022 đối mặt với nhiều thách thức và biến động. Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt là với sự xuất hiện của các biến thể mới. Ngoài ra, các vấn đề thương mại và chính trị quốc tế cũng đang gây ra ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế Việt Nam.

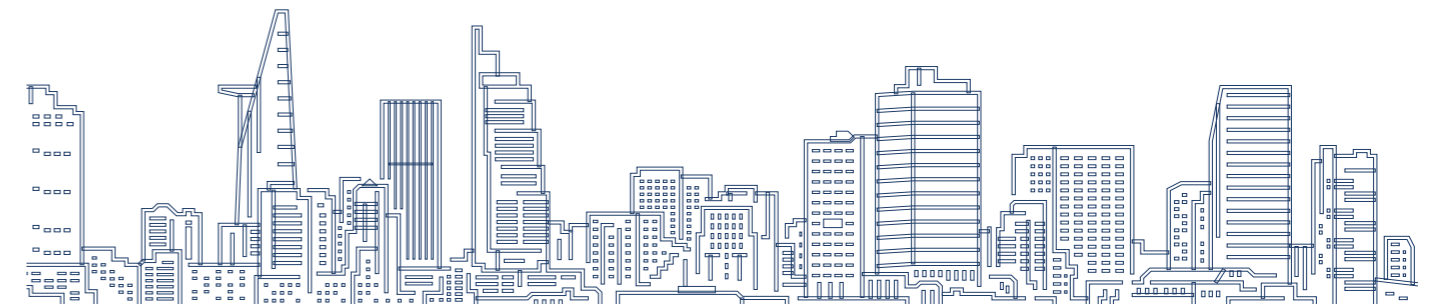
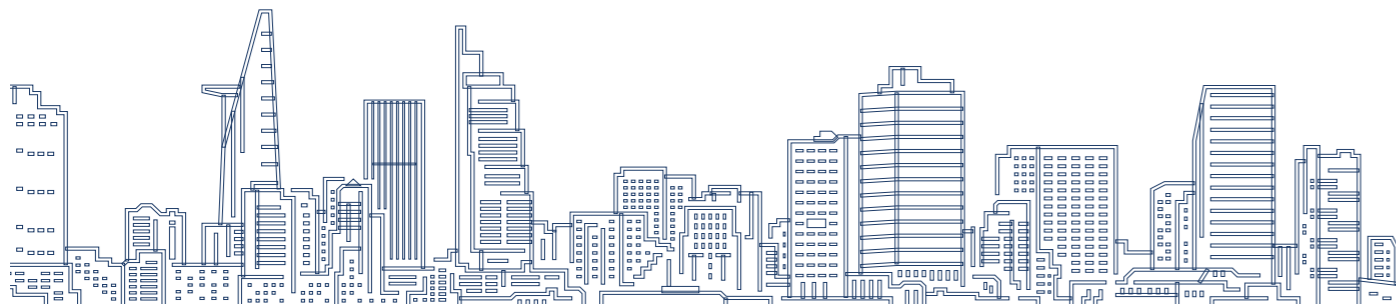
Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu tác động nặng nề do ảnh hưởng kinh tế gây ra. Tuy nhiên, với những nỗ lực của toàn thể CBCNV trong việc tăng cường năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm và phát triển thị trường, Berubco đã vượt qua thách thức với những khó khăn và thuận lợi như sau:

### KHÓ KHĂN

- Nền kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường đặc biệt là vấn đề lạm phát, lãi suất tăng cao ở một số quốc gia buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina, dịch bệnh... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu và đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đột biến.
- Ngành Xi măng tiêu thụ cả năm 2022 đạt 94 triệu tấn giảm 10%, xuất khẩu Xi măng đạt 31 triệu tấn giảm 30%. Nguyên nhân do Trung Quốc áp dụng chính sách zero Covid cùng với đó là thị trường bất động sản nước này đang chững lại khiến lượng tiêu thụ Xi măng giảm mạnh trong thời gian qua.
- Ngành Phân bón, mặc dù có diễn biến thuận lợi nhưng nhu cầu phân bón đạt 8.630 nghìn tấn giảm 12%. Nguyên nhân chính từ giá phân bón tăng cao, khiến nhu cầu tiêu thụ trong nước bị ảnh hưởng. Nhập khẩu phân bón bị ảnh hưởng do chiến tranh, vận chuyển khó khăn và các lệnh hạn chế xuất khẩu. Tình hình sản xuất trong nước bị ảnh hưởng tiêu cực bởi nguồn cung nguyên liệu đầu vào, sản xuất NPK giảm 6.4%, DAD giảm 29%.

### THUẬN LỢI

- Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn, phức tạp của nền kinh tế thế giới, với các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ được triển khai đồng bộ, nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi nhanh chóng, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao, lạm phát duy trì mức 3.5% tăng trưởng GDP là 8.02%.
- Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.78% trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng là 8.1%.
- Ngành Khai thác than và Khoáng sản: đã hoàn thành kế hoạch đề ra, sản lượng tiêu thụ đạt 46.5 triệu tấn tăng hơn 3 triệu so với năm 2021, sản xuất than nguyên khai 39.4 triệu tấn.
- Ngành chế biến gạo, sản lượng xuất khẩu gạo đạt 7.2-7.3 triệu tấn tăng 15%
- Bên cạnh việc giữ vững các khách hàng trong ngành khai thác khoáng sản, xi măng, cơ khí, phân bón,... Trong năm, Công ty cũng đã phát triển thêm một số khách hàng mới trong ngành khai thác than, xi măng và khách hàng nước ngoài vì chất lượng sản phẩm và thương hiệu Berubco ngày càng tạo được sự uy tín trong và ngoài nước.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

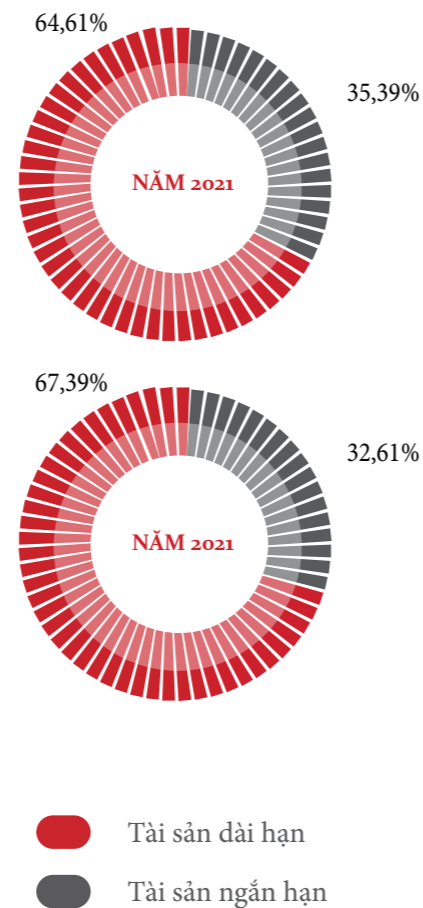
Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	31/12/2021	Tỷ trọng năm 2021	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	208.383	67,39%	201.178	64,61%	3,58%
Tài sản dài hạn	100.848	32,61%	110.174	35,39%	-8,46%
Tổng tài sản	309.231	100,00%	311.352	100,00%	-0,68%

Tổng tài sản của Berubco ghi nhận đến 31/12/2022 là 309,23 tỷ đồng, giảm 0,68% so với thời điểm 31/12/2021.

Cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng tăng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao giúp doanh nghiệp dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt khi cần thiết. Các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn là các khoản mục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2022. Việc duy trì tỷ trọng khoản mục tiền gửi ngắn hạn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn cũng như đáp ứng kịp thời dòng tiền dự phòng rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, các khoản phải thu ngắn hạn đạt 95.21 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 30,79% tài sản ngắn hạn, chủ yếu là khoản phải thu khách hàng thời hạn dưới 1 năm, do trước tình hình cạnh tranh gay gắt, Công ty đã áp dụng nới lỏng chính sách tín dụng đối với một số khách hàng lớn và hợp tác lâu năm của Công ty để tăng vị thế cạnh tranh và gia tăng thị phần, các khoản phải thu trong kỳ phần lớn là giao dịch ngắn hạn với các đối tác uy tín nên có khả năng thu hồi được công nợ đúng hạn.

Tài sản dài hạn của Công ty đạt 100,85 tỷ đồng, giảm 8,46% so với cùng thời điểm năm 2021 và chiếm 32,61% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu tập trung tại khoản mục tài sản cố định chiếm tỷ trọng 23,60% tổng tài sản.

Nhìn chung, tỷ trọng tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn, điều này sẽ giúp Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn và chuẩn bị đủ dòng tiền cho các hoạt động đầu tư trong tương lai.



## Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	31/12/2021	Tỷ trọng năm 2021	% Tăng giảm
Nợ phải trả	98.933	31,99%	99.808	32,06%	-0,88%
- Nợ ngắn hạn	98.933	100,00%	99.808	100,00%	-0,88%
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	210.298	68,01%	211.544	67,94%	-0,59%
Tổng nguồn vốn	309.231	100%	311.352	100%	-0,68%

Đến cuối năm 2022, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 68,01% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, nợ phải trả giảm nhẹ chiếm tỷ trọng 31,99% tổng nguồn vốn, tương ứng với 98,93 tỷ đồng. Trong cơ cấu nợ phải trả của Berubco chủ yếu là nợ ngắn hạn. Do đặc thù Công ty thuộc ngành sản xuất sản phẩm cao su nên chủ yếu dùng nợ ngắn hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất, phục vụ việc mua sắm các nguyên vật liệu và các khoản phải trả cho nhà cung cấp không chịu lãi nên không gây áp lực về chi phí.

Với mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty để giảm thiểu áp lực lãi vay, nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì cao qua các năm. Năm 2022, vốn chủ sở hữu chiếm 68,01% nguồn vốn, tương đương 210,30 tỷ đồng.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

### Công tác điều hành sản xuất

- Luôn tuân thủ tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 cho toàn bộ các Phòng Ban của Công ty. Tuân thủ các quy trình sản xuất, quy định kỹ thuật làm ổn định quá trình sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, phòng thí nghiệm còn được vận hành theo hệ thống ISO 17025 nhằm cho kết quả kiểm nghiệm đạt độ chính xác và tin cậy cao.
- Luôn kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao nguyên liệu, dụng cụ,... cũng như xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện năng, than đá. Nhờ vậy đã tiết giảm chi phí trong quá trình sản xuất.
- Xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên liệu cao su hóa chất hợp lý cũng như duy trì từ 3 - 4 nhà cung cấp cho từng loại nguyên vật liệu. Do vậy, đơn vị không bị đứt chuỗi cung ứng nguyên vật liệu trong giai đoạn khó khăn và duy trì giá mua được cạnh tranh hơn.
- Triển khai các lịch trình sản xuất phù hợp, đáp ứng tiến độ giao hàng. Công tác bảo trì bảo dưỡng sửa chữa thiết bị kịp thời, do vậy đã phục vụ tốt cho quá trình sản xuất của đơn vị.
- Công tác đảm bảo An toàn – Vệ sinh – Môi trường luôn được duy trì trong sản xuất giúp người lao động an tâm làm việc và giúp đơn vị sản xuất được an toàn. Bên cạnh đó các chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên đã giữ chân hầu hết cán bộ người lao động gắn bó với Công ty.



### Công tác nghiên cứu cải tiến, áp dụng khoa học kỹ thuật

- Áp dụng thành công công nghệ đưa nước lạnh tuần hoàn vào máy luyện kín và máy cán hồ góp phần ổn định chất lượng cao su cán luyện tránh hiện tượng tự lưu trong quá trình sản xuất.
- Nghiên cứu đưa vào sản xuất dầu hóa dẻo thế hệ mới góp phần nâng cao chất lượng băng tải chịu nhiệt đến 200-2500C và tiết giảm chi phí khoảng 2.6%.
- Áp dụng công nghệ máy nung dầu tuần hoàn cho khu vực sản phẩm lót sàn nhằm ổn định sản xuất và tiết giảm chi phí sử dụng nguồn than đá.
- Áp dụng thành công hóa chất mới vào cao su cán tráng băng tải chịu nhiệt 1800C làm tăng được tuổi thọ đáp ứng nhu cầu của các khách hàng.
- Tối ưu hóa đơn pha chế keo nối đầu băng tải lõi thép, giá trị tăng thêm 10-15% tăng cường chất lượng mối nối băng tải lõi thép.
- Triển khai sản xuất thành công các sản phẩm: phao chống dầu, băng tải chịu dầu kháng bắt lửa, băng tải khổ 2.6m, đệm đế máy, sản phẩm đồ chơi thú cưng,...
- Chuyển đổi các mô tơ DC động cơ một chiều sang AC động cơ xoay chiều đã tiết giảm chi phí khi phải nhập khẩu phụ tùng linh kiện điện tử khi sửa chữa, không bị gián đoạn sản xuất.
- Chuyển đổi một phần lớn than đá sang sử dụng củi đã tiết giảm 70% lượng than đá, trong bối cảnh giá than đá tăng cao trong năm 2022.

### Công tác huấn luyện đào tạo

Nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện các khóa đào tạo như sau:

- Huấn luyện sơ cấp cứu, mạng lưới An toàn vệ sinh (nhóm VI).
- Huấn luyện an toàn, vận hành xe nâng.
- Huấn luyện an toàn vận hành cầu trục, lò hơi, nồi lưu hóa áp lực cao.
- Đào tạo cập nhật những thay đổi của luật đấu thầu.
- Đào tạo quy hoạch Trung cấp chính trị cho cán bộ chủ chốt.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% KH/TH
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1	Sản lượng sản xuất				
-	Băng tải lõi vải	m <sup>2</sup>	161.602	162.000	100,25%
-	Băng tải lõi thép	m <sup>2</sup>	13.983	14.000	100,12%
-	Dây courroie	inch	18.774.532	18.500.000	98,54%
-	Cao su kỹ thuật	kg	2.523.571	2.400.000	95,10%
2	Sản lượng tiêu thụ				
-	Băng tải lõi vải	m <sup>2</sup>	159.235	162.000	101,74%
-	Băng tải lõi thép	m <sup>2</sup>	12.885	14.000	108,65%
-	Dây courroie	inch	17.562.666	18.500.000	105,34%
-	Cao su kỹ thuật	kg	2.478.971	2.400.000	96,81%
3	Tổng Doanh thu	Tr.Đồng	340.154	329.665	96,92%
4	Kết quả kinh doanh	Tr.Đồng	23.499	24.097	102,54%
5	Các khoản nộp ngân sách	Tr.Đồng	26.501	32.500	122,64%
<b>II</b>	<b>XUẤT NHẬP KHẨU</b>				
1	Kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	2.080	2.800	134,62%
2	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	4.319	3.900	90,30%
<b>III</b>	<b>CHỈ TIÊU KHÁC</b>				
1	Tổng số lao động	Người	226	225	99,56%
2	Lương bình quân	Ng.đồng	12.43	12.60	101,37%
3	Cổ tức	%	10	10	100%

### Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Trước bối cảnh dự báo kinh tế Việt Nam năm 2023, lạm phát được kiểm soát ở mức 4,5%, mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% so với năm 2022. Tận dụng sự ổn định của kinh tế vĩ mô, ngành công nghiệp, xây dựng tăng trưởng trở lại khi kinh tế phục hồi sau dịch bệnh. Bên cạnh đó là dự báo về sự phục hồi các giá trị nguồn cung từ Châu Âu sang Châu Á. Do đó, Công ty đã đưa ra các giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2023:



#### Công tác điều hành sản xuất

- Tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015, và ISO 17025, tuân thủ các quy trình sản xuất, quy trình kỹ thuật ban hành để duy trì chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn DIN, JIS và ISO.
- Cải thiện và duy trì môi trường sản xuất: An toàn – vệ sinh lao động – an toàn phòng cháy chữa cháy, hút bụi và làm mát cho Xưởng Cán luyện, áp dụng đầy đủ các chế độ chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ và người lao động, cũng như cấp phát, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động.
- Triển khai kế hoạch mua nguyên liệu vật tư và chính sách dự trữ hàng tồn kho hợp lý, đa dạng chủng loại, đa dạng nguồn cung cấp, không đứt gãy chuỗi cung ứng.
- Đảm bảo lịch trình sản xuất và giao hàng đúng tiến độ, cũng như triển khai kế hoạch bảo trì sửa chữa phù hợp tránh ngưng trệ trong sản xuất.
- Nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin cũng như số hóa, chuyển đổi số trong quản lý.



#### Công tác nghiên cứu cải tiến áp dụng khoa học kỹ thuật

- Hoàn thiện quy trình công nghệ, đơn pha chế, thiết kế khuôn cho sản phẩm mới thanh cao su bida 3m.
- Tìm kiếm các nguyên liệu mới để nâng cao chất lượng băng tải chịu nhiệt cao, băng tải chịu tải trọng lớn.
- Nâng cao hơn chất lượng sản phẩm dây courroie, đặc biệt dây C & D.
- Nghiên cứu ứng dụng nâng cao hàm lượng cao su tái sinh đạt chất lượng phù hợp cho dòng sản phẩm băng tải sử dụng trong ngành phân bón, ngành gạo và xuất khẩu.
- Dùng công nghệ đùn tạo hình bán thành phẩm để tiết kiệm sự tiêu hao nguyên liệu và chi phí nhân công trong quá trình sản xuất cao su kỹ thuật.
- Nâng cao quy trình tự động hóa trong khâu định hình sản phẩm dây courroie.

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

### Công tác đầu tư mua sắm thiết bị máy móc

Nhằm đáp ứng tình hình cải tiến công nghệ trong sản xuất cũng như nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển các sản phẩm cao su kỹ thuật, trong năm đơn vị xây dựng kế hoạch mua sắm:

- |  |          |    |
|--|----------|----|
| • Máy ép đùn Ø90                         | số lượng | 01 |
| • Máy ép hút chân không 350 tấn 700x700  | số lượng | 02 |
| • Máy ép 800 tấn 6 tầng                  | số lượng | 01 |
| • Belt thép – phụ tùng cho máy rotocure. | số lượng | 01 |

Tổng mức kế hoạch đầu tư mua sắm sửa chữa khoảng 11,773 tỷ đồng.

### Công tác tài chính

- Tuân thủ đầy đủ các quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ
- Tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ để giảm tối đa nợ quá hạn.
- Bổ sung nguồn vốn lưu động kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Bám sát các chỉ số tài chính được xây dựng đúng theo kế hoạch.
- Thực hiện đầy đủ các báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo thuế đúng thời hạn quy định.

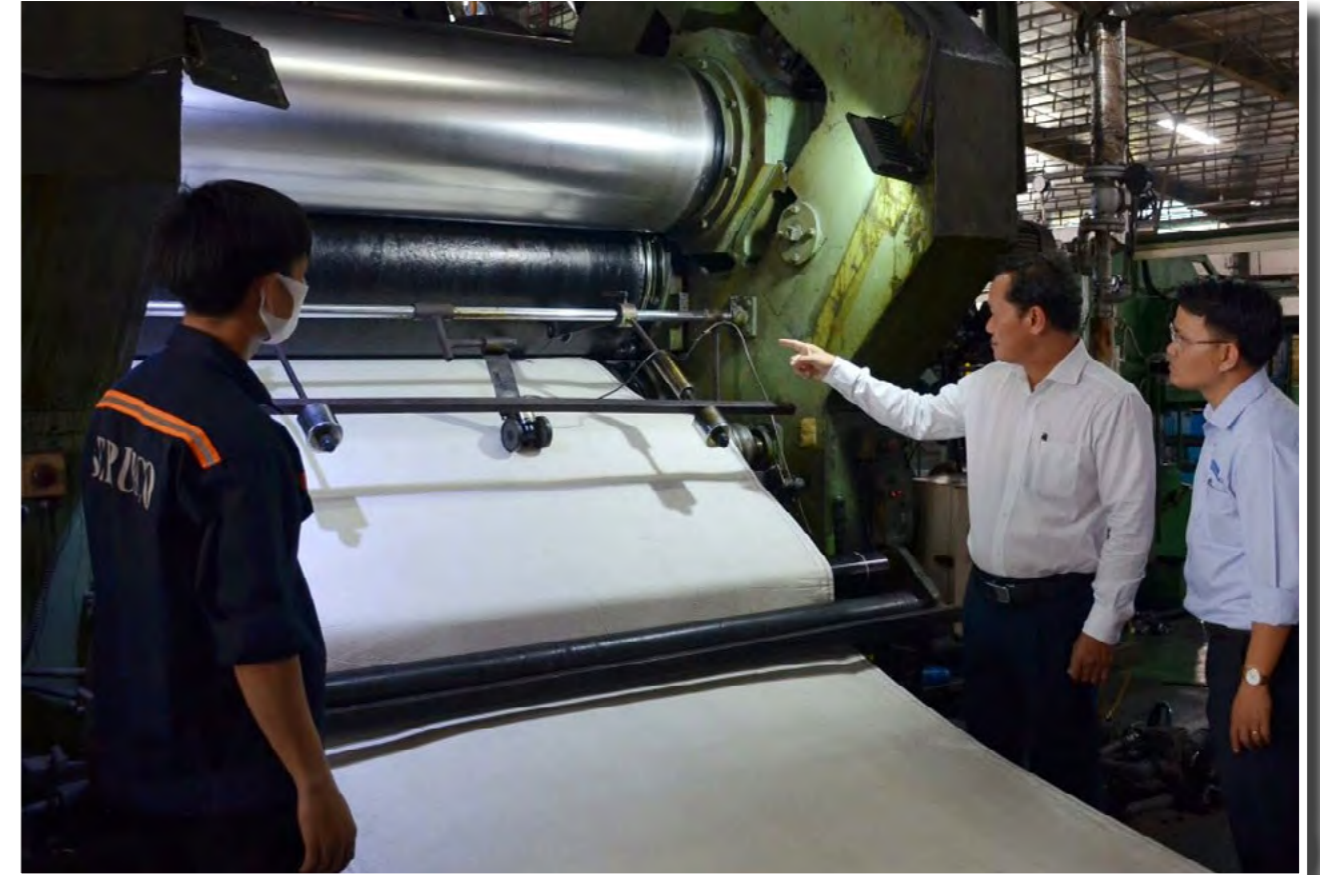
### Công tác kinh doanh

Công ty xây dựng chiến lược phát triển bao gồm 2 chiến lược cơ bản:

- Chiến lược phát triển tập trung: tập trung tối đa nguồn lực và thị trường hiện có để phát triển sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh để gia tăng thị phần, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Chiến lược phát triển đa dạng: tập trung phát triển sản phẩm mới hướng vào khách hàng và thị trường mới.

### Công tác phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo nghiệp vụ quản lý, chuyên môn cho các Trưởng, Phó Bộ phận.
- Bổ sung thêm 02 nhân sự kinh doanh tiếp thị cho khu vực phía Bắc.



**Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có





# 4

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 66
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành 68
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị 69



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

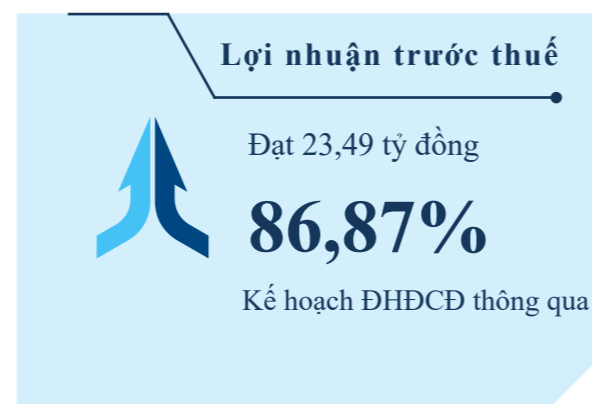
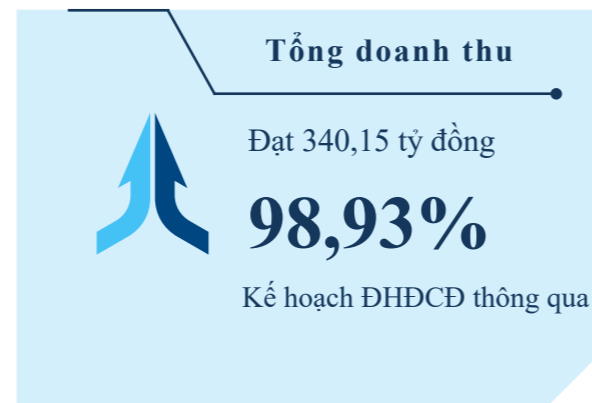
## Kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2022, với nhiều khó khăn thách thức, việc thực hiện và đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao phó đòi hỏi sự chỉ đạo quyết liệt cố gắng của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã bám sát chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, kịp thời định hướng đề xuất những giải pháp phù hợp và cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành, tập thể cán bộ công nhân viên toàn công ty thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 với chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh chủ yếu đạt được như sau:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ	
			TH22/ KH22	TH22/ TH21
Tổng Doanh thu và thu nhập khác	343.822	340.154	98.93%	97.34%
Lợi nhuận trước thuế	27.052	23.499	86.87%	86.21%
Dự kiến chi trả cổ tức/vốn điều lệ	10%	10%	100%	83.33%

Năm 2022, kinh tế toàn cầu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục tiếp diễn trên toàn cầu, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina... Giá các mặt hàng nguyên vật liệu sản xuất tiếp tục tăng cao đã ảnh hưởng đến phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp. Giá mủ cao su liên tục tăng nhưng giá thành sản phẩm lại không tăng tương ứng do phải cạnh tranh với các công ty thương mại, hàng Trung Quốc. Mặc dù Công ty cũng đặt mục tiêu đảm bảo sản lượng, xác định lấy sản lượng bù lại để đảm bảo doanh thu, nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn để cân đối trong sản xuất. Theo đó, tổng doanh thu (bao gồm cả doanh thu tài chính và thu nhập khác) thực hiện năm 2022 là 340,15 tỷ đồng, đạt 98,93% so với kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận trước thuế là 23,49 tỷ đồng, hoàn thành 86,87% kế hoạch được giao.



### Về chăm lo đời sống cho người lao động

Mặc dù thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 đạt 95.62% so với kế hoạch nhưng các chính sách phúc lợi đối với người lao động đều được thực hiện đầy đủ và tốt hơn, tạo nên sự phấn khởi và an tâm cho người lao động.



### Về thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước

Mặc dù thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 đạt 95.62% so với kế hoạch nhưng các chính sách phúc lợi đối với người lao động đều được thực hiện đầy đủ và tốt hơn, tạo nên sự phấn khởi và an tâm cho người lao động.



### Về chấp hành pháp luật

Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh.



### Về an sinh xã hội

Công ty đã tham gia đầy đủ các hoạt động an sinh xã hội; công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, Hội đồng quản trị công ty đã tích cực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong các hoạt động, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị thông qua ý kiến của Ban kiểm soát trong các cuộc họp định kỳ, có chỉ đạo Ban điều hành tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, quy chế, quy định của công ty nhằm nâng cao năng lực quản lý, sửa chữa kịp thời những thiếu sót, hạn chế trong điều hành sản xuất kinh doanh.

Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo, qua đó giám sát chặt chẽ Ban điều hành về kết quả hoạt động của công ty. Ban điều hành công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ các nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện đầy đủ, phù hợp việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính quý, năm theo các quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn nỗ lực khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



## Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trước kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 bên cạnh những thuận lợi về thương hiệu, chất lượng sản phẩm thì giá cả nguyên vật liệu tăng cao, trong và ngoài nước dự báo kinh tế đang còn nhiều khó khăn, việc thắt chặt chi tiêu, cạnh tranh hàng nhập khẩu..., năm 2023 dự báo tiếp tục sẽ là một năm khó khăn. Với quyết tâm tập trung hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch hoạt động với các mục tiêu và giải pháp như sau:

Chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Theo dõi tình hình thị trường để có giải pháp kịp thời linh hoạt về tiêu thụ, tồn kho, khách hàng, giá bán... đảm bảo lợi nhuận, dòng tiền, sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản trị tài chính; quản trị các chi phí theo đúng quy định.

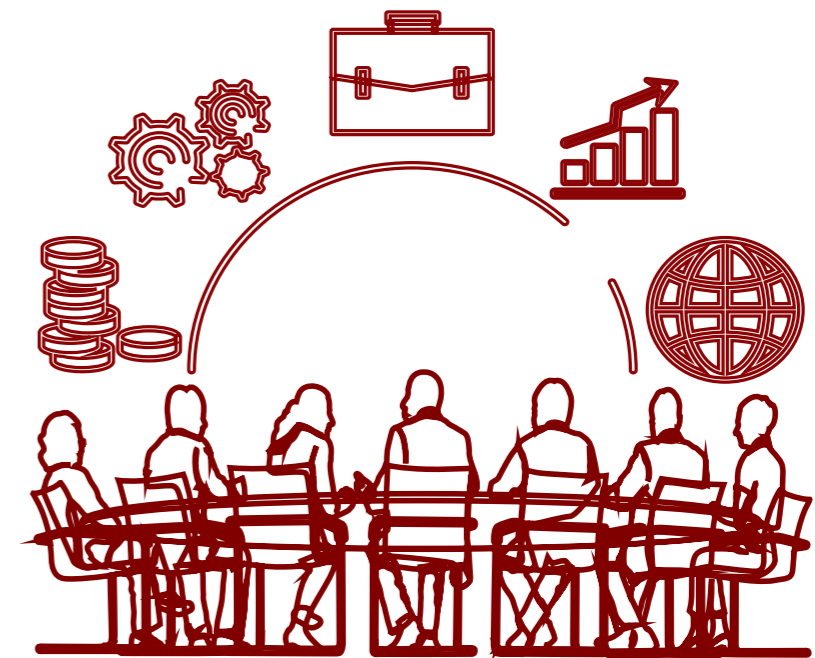
Chú trọng giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu chất lượng sản phẩm, nhận diện cơ hội để phát triển. Tăng cường công tác tiếp thị, chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường, mở rộng thị trường trong, ngoài nước, trong đó tập trung công tác xuất khẩu và quan hệ thương mại với các đối tác nước ngoài. Tập trung phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và khẳng định thương hiệu công ty.

Phát huy và tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật và giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm chi phí – tăng thu nhập cho người lao động.

Tiếp tục duy trì và phát huy Hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong điều hành sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động, sản lượng từng mặt hàng; đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý và sản xuất.

Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mang hàm chất xám cao, sản phẩm mới. Chú trọng việc tăng trưởng của công ty, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.

Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành công ty triển khai các giải pháp quản trị, kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.



# 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng quản trị 72
- Hoạt động của Ban kiểm soát 78
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS 80



# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 4.189.408	CN: 0% ĐD: 33,85%
2	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13% ĐD: 15,00%
3	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 2.457.587	CN: 0% ĐD: 19,86%
4	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
5	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 2.310.000	CN: 0% ĐD: 18,67%

## Những thay đổi nhân sự HĐQT trong năm 2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch HĐQT		28/06/2022
2	Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT		07/01/2022
3	Ông Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	28/06/2022	
4	Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	07/01/2022	

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban.

## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập các phiên họp của Hội đồng quản trị, tại các cuộc họp Thành viên HĐQT độc lập đã đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển, và hoạt động của công ty cũng như chủ động trao đổi về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, các định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động và đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp, đóng góp ý kiến nâng cao năng lực quản trị của Công ty.

Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2022:

- Công tác giám sát, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy nhân sự, v.v... của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành hợp lệ và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.
- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ, vai trò của mình trên tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

## Cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh Tấn Siêu	03	100%	Miễn nhiệm từ 28/06/2022
2	Ông Phạm Đình Nhật Cường	01	100%	Miễn nhiệm từ 07/01/2022
3	Ông Diệp Xuân Trường	04	100%	
4	Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	04	100%	
5	Ông Nguyễn Việt Hà	04	100%	
6	Ông Văn Trọng Long	01	100%	Bổ nhiệm ngày 07/01/2022
7	Ông Nguyễn Thanh Phúc	03	100%	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022

# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	401/NQ-HĐQT	07/01/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 4/2021
2	401A/QĐ-HĐQT	07/01/2022	Quyết định Về việc giao nhiệm vụ Người phụ trách kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
3	402/NQ-HĐQT	27/01/2022	Về việc thống nhất chủ trương nhân sự HĐQT và BKS, nhiệm kỳ 2022 - 2027 Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
4	403/NQ-HĐQT	02/03/2022	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
5	404/QĐ-HĐQT	03/03/2022	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2021
6	405/QĐ-HĐQT	03/03/2022	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý năm 2021
7	406/QĐ-HĐQT	14/03/2022	Quyết định về việc ban hành Bảng lương Người quản lý và Xếp hạng doanh nghiệp - Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
8	407/QĐ-HĐQT	15/03/2022	Quyết định về việc chuyển xếp lương Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
9	408/QĐ-HĐQT	15/03/2022	Quyết định về việc chuyển xếp lương Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Lưu Thị Tố Như
10	409/QĐ-HĐQT	15/03/2022	Quyết định về việc chuyển xếp lương Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Huỳnh Anh Tuấn

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	410/QĐ-HĐQT	15/03/2022	Quyết định về việc chuyển xếp lương Trưởng Ban kiểm soát Công ty đối với bà Dương Hoài Trinh
12	411/QĐ-HĐQT	04/4/2022	Nghị quyết về việc tạm hoãn và gia hạn kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
13	412/NQ-HĐQT	22/04/2022	Nghị quyết về việc thống nhất nhân sự giới thiệu ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027 - Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
14	413/NQ-HĐQT	22/04/2022	Nghị quyết về việc thống nhất nhân sự giới thiệu ứng cử lại thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 - Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
15	414/NQ-HĐQT	22/04/2022	Nghị quyết về việc thống nhất nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2022 - 2027 - Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
16	415/QĐ-HĐQT	25/04/2022	Quyết định về phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2022
17	416/QĐ-HĐQT	25/04/2022	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022
18	417/NQ-HĐQT	26/04/2021	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 1/2022
19	418/QĐ-HĐQT	24/05/2022	Quyết định về việc nâng lương Trưởng Ban kiểm soát Công ty
20	427/NQ-HĐQT	09/6/2022	Nghị quyết HĐQT về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Sài Gòn

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
21	428/NQ-HĐQT	28/6/2022	Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Bến Thành nhiệm kỳ 2022 - 2027
22	429/QĐ-HĐQT	28/6/2022	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty
23	430/QĐ-HĐQT	28/6/2022	Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2022
24	431/NQ-HĐQT	30/6/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 2/2022
25	432/NQ-HĐQT	12/07/2022	Nghị quyết v/v thống nhất chủ trương thực hiện quy trình điều động và bổ nhiệm chức vụ cán bộ
26	433/NQ-HĐQT	12/07/2022	Tờ trình v/v cho thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Bến Thành để điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ đối với cán bộ.
27	434/QĐ-HĐQT	15/07/2022	Quyết định về việc khen thưởng năm 2021
28	435/QĐ-HĐQT	22/07/2022	Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức năm 2021
29	437/QĐ-HĐQT	01/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt mua sắm thiết bị: Tắm thốt nhiệt
30	438/QĐ-HĐQT	05/08/2022	Quyết định v/v cho thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
31	439/QĐ-HĐQT	05/09/2022	Quyết định v/v giới thiệu nhân sự tham gia Ban kiểm soát tại Công ty CP Chỉ sợi Cao su V.R.G Sado
32	442/NQ-HĐQT	31/10/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 3/2022
33	443/QĐ-HĐQT	05/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt mua sắm thiết bị Máy sản xuất thanh cao su đệm bàn bida phẳng

### Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	990	0,008%
2	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	0	0
3	Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	0	0

### Những thay đổi nhân sự BKS trong năm 2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Phạm Thị Thu Hường	Thành viên BKS		28/06/2022

### Cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Hoài Trinh	04	100%	
5	Lương Thị Ánh Nguyệt	04	100%	
6	Trần Nguyễn Huy Hùng	04	100%	
7	Bà Phạm Thị Thu Hường	02	50%	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022

# HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Nội dung	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	Cuộc họp 1	04/01/2022	Rà soát tình hình thanh toán công nợ phải thu, hàng tồn kho và kết quả sản xuất kinh doanh sơ bộ Quý 4/2021, lũy kế cả năm 2021, báo cáo sơ bộ cho HĐQT và một số nội dung khác nhằm chuẩn bị cho ĐHĐCĐ bất thường năm 2021.	Sau khi làm việc, các thành viên trong ban đã nhất trí 100% và đã có báo cáo chi tiết cụ thể gửi HĐQT, trong đó nêu rõ kết quả của các nội dung kiểm soát, kiến nghị, các nội dung trong báo cáo năm 2020 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2021.
2	Cuộc họp 2	30/04/2022	Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021, thẩm định BCTC năm 2021, bàn bạc và thống nhất các nội dung báo cáo năm 2021 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; Xây dựng kế hoạch và phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2022.	Các thành viên đã nhất trí 100%: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Biên bản làm việc và báo cáo trình HĐQT.</li> <li>• Báo cáo năm 2021 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2022, phương hướng hoạt động của BKS năm 2022.</li> <li>• Kế hoạch làm việc cụ thể của BKS trong năm 2022.</li> </ul>
3	Cuộc họp 3	19/07/2022	Về việc kiểm soát tình hình hoạt động quý 2/2022 và 6 tháng đầu năm 2022.	BKS đã làm việc online và đã thống nhất 100% kết quả làm việc trong biên bản, trình báo cáo cho HĐQT và báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng cho Tập đoàn CN Cao su Việt Nam.
4	Cuộc họp 4	18/10/2022	Kiểm soát tình hình thanh toán công nợ, tình hình sản xuất kinh doanh quý 3/2022 + lũy kế 9 tháng đầu năm 2022.	Sau khi làm việc, các thành viên trong ban đã nhất trí 100% và đã có báo cáo chi tiết cụ thể gửi HĐQT, trong đó nêu sơ bộ kết quả của các nội dung kiểm soát, kiến nghị, các nội dung trong báo cáo.

## Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Ban điều hành trong kỳ đã thực hiện đúng nhiệm vụ được đại hội đồng cổ đông giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ trung thực, hợp pháp của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 1 năm.

## Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm, BKS luôn được HĐQT, BTGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể, BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban hàng tháng của BTGD, đã tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động sản xuất, hoạt động tài chính, chính sách bán hàng và thu hồi công nợ... phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ của Công ty, các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

- Phối hợp với HĐQT, BTGD lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định chọn kiểm toán BCTC cho Công ty.
  - Tham gia góp ý kiến xây dựng và hoàn thiện các quy chế tổ chức, quy định nội bộ của Công ty;
- Trong năm vừa qua BKS không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại nào từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến ý kiến về hoạt động của HĐQT, BTGD.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập và thù lao	Ghi chú
1	Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	54.000.000	-
2	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	48.000.000	-
3	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	24.000.000	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022
4	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	48.000.000	Bổ nhiệm ngày 07/01/2022
5	Huỳnh tấn siêu	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
6	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT	-	Miễn nhiệm ngày 07/01/2022
7	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	708.000.000	-
8	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	504.000.000	-
9	Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng giám đốc	336.000.000	Miễn nhiệm ngày 05/08/2022
10	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	363.000.000	-
11	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	30.000.000	-
12	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	30.000.000	-
13	Bà Phạm Thị Thu Hường	Thành viên BKS	15.000.000	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Tên	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHQĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn	360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP HCM	Năm 2022	386/NQ-HĐQT ngày 01/11/2021	Bán bằng tài cho CTCP Xi măng Hà Tiên 19.793.812.400 đồng
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông lớn	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP HCM.	Năm 2022	386/NQ-HĐQT ngày 01/11/2021	Mua cao su của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, giá trị 25.055.630.208 đồng

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả sẽ giúp Công ty tăng trưởng bền vững, giảm thiểu các rủi ro, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và danh tiếng, qua đó gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, tối đa hóa lợi ích của các bên liên quan.

## Giải pháp tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

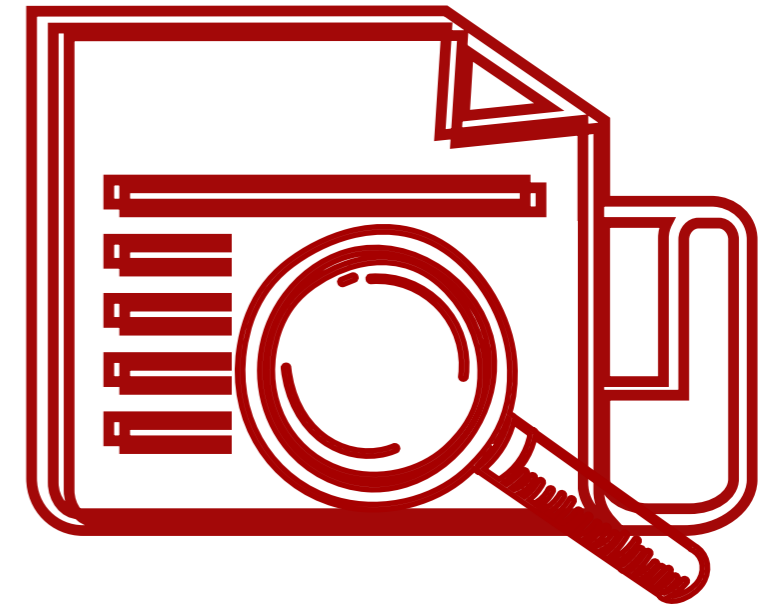
### Quản trị nhân sự:

- Định hướng phát triển của Công ty là tăng cường sử dụng các ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý nhân sự.

### Quản trị chất lượng sản phẩm:

- Tiếp tục thực hiện công tác duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị kịp thời và có hiệu quả.
- Thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, thay thế các nội dung trong Hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành.

Thường xuyên đánh giá các thay đổi của quy phạm pháp luật để đảm bảo hoạt động quản trị Công ty tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.



# 6

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Diệp Xuân Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	
Ông Văn Trọng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/01/2022
Ông Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/08/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng ban	
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2022

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Số: 010323.001 /BCTC.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được lập ngày 01 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2019-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>208.382.745.606</b>	<b>201.178.199.648</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>22.806.794.785</b>	<b>14.667.929.036</b>
111	1. Tiền		14.744.993.365	14.667.929.036
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.061.801.420	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>1.643.864.054</b>	<b>5.229.284.750</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.643.864.054	5.229.284.750
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>95.205.760.876</b>	<b>101.660.417.660</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	94.634.973.332	97.371.504.092
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.151.380.042	7.681.207.298
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	548.922.140	188.049.349
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.129.514.638)	(3.580.343.079)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>86.773.317.699</b>	<b>79.465.683.390</b>
141	1. Hàng tồn kho		86.773.317.699	79.465.683.390
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.953.008.192</b>	<b>154.884.812</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	28.634.622	154.884.812
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.924.373.570	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>100.848.458.933</b>	<b>110.174.034.983</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>72.977.824.591</b>	<b>81.292.933.790</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	72.977.824.591	81.292.933.790
222	- Nguyên giá		256.586.613.937	250.153.876.253
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(183.608.789.346)	(168.860.942.463)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>-</b>	<b>-</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	6.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>27.870.634.342</b>	<b>28.881.101.193</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	27.870.634.342	28.881.101.193
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>309.231.204.539</b>	<b>311.352.234.631</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>98.933.269.429</b>	<b>99.808.466.453</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>98.933.269.429</b>	<b>99.808.466.453</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	24.650.309.815	26.764.592.168
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	844.910.614	3.046.922.478
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	981.832.179	1.485.094.577
314	4. Phải trả người lao động		6.493.765.225	11.726.225.300
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	485.188.211	483.562.188
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.698.502.890	3.539.500.804
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	57.507.048.287	46.112.717.593
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.271.712.208	6.649.851.345
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>210.297.935.110</b>	<b>211.543.768.178</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>210.297.935.110</b>	<b>211.543.768.178</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		123.749.970.000	123.749.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		123.749.970.000	123.749.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.340.019.200	26.340.019.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		40.276.012.238	35.936.575.435
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.931.933.672	25.517.203.543
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.310.569.093	3.820.019.526
421b	LNST chưa phân phối năm nay		18.621.364.579	21.697.184.017
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>309.231.204.539</b>	<b>311.352.234.631</b>



*Huỳnh Ngọc Sơn*

Huỳnh Ngọc Sơn  
Người lập

*Huỳnh Ngọc Sơn*

Huỳnh Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Trần Nghiêm Vũ*  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	338.061.551.874	348.107.052.557
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	3.660.000	30.000.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		338.057.891.874	348.077.052.557
11	4. Giá vốn hàng bán	22	262.907.525.326	268.554.541.934
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.150.366.548	79.522.510.623
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.983.786.364	1.014.318.574
22	7. Chi phí tài chính	24	3.739.621.225	2.779.182.844
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.177.241.895	1.596.204.465
25	8. Chi phí bán hàng	25	39.160.596.214	38.779.813.672
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.444.441.423	12.066.178.323
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.789.494.050	26.911.654.358
31	11. Thu nhập khác	27	111.895.492	440.305.025
32	12. Chi phí khác	28	402.646.129	94.614.394
40	13. Lợi nhuận khác		(290.750.637)	345.690.631
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.498.743.413	27.257.344.989
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	4.877.378.834	5.560.160.972
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.621.364.579	21.697.184.017
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.505	1.348



*Huỳnh Ngọc Sơn*

Huỳnh Ngọc Sơn  
Người lập

*Huỳnh Ngọc Sơn*

Huỳnh Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Trần Nghiêm Vũ*  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.498.743.413	27.257.344.989
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.897.727.935	15.942.879.350
03	- Các khoản dự phòng		(450.828.441)	886.616.511
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		138.552.248	259.207.821
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(309.649.692)	(511.121.233)
06	- Chi phí lãi vay		2.177.241.895	1.596.204.465
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.951.787.358	45.431.131.903
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.888.641.878	(17.975.582.351)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(7.307.634.309)	273.106.982
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.416.098.944)	(4.364.155.037)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		227.263.369	68.021.468
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.109.615.872)	(1.558.595.018)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.118.360.545)	(5.243.509.150)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.395.340.384)	(2.419.820.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.720.642.551	14.210.598.797
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.673.165.064)	(13.350.642.100)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		70.277.778	240.000.000
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.585.420.696	(2.229.284.750)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		230.370.725	254.476.473
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.787.095.865)	(15.085.450.377)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		119.509.134.417	78.260.379.918
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(107.940.704.165)	(66.104.237.692)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.152.014.400)	(10.137.673.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.583.584.148)	2.018.468.726

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.349.962.538	1.143.617.146
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.667.929.036	13.568.057.968
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(211.096.789)	(43.746.078)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	22.806.794.785	14.667.929.036



*Nguyễn Ngọc Sơn*  
Huỳnh Ngọc Sơn  
Người lập

*Nguyễn Ngọc Sơn*  
Huỳnh Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Trần Nghiêm Vũ*  
Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 123.749.970.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 123.749.970.000 VND; tương đương 12.374.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 221 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 225 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất băng tải cao su, dây courroic.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroic, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroic, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08 năm

## 2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 03 năm.

## 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: Hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## 2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế TNDN hiện hành  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành  
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	25.255.295	339.393.195
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.719.738.070	14.116.675.841
Tiền đang chuyển	-	211.860.000
Các khoản tương đương tiền (*)	8.061.801.420	-
	<u>22.806.794.785</u>	<u>14.667.929.036</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 8.061.801.420 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với lãi suất từ 4,8%/năm đến 6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.643.864.054	-	5.229.284.750	-
	<u>1.643.864.054</u>	<u>-</u>	<u>5.229.284.750</u>	<u>-</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với giá trị 1.643.864.054 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi - Phòng giao dịch Phố Quang với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
	<u>6.000.000.000</u>	<u>(6.000.000.000)</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>(6.000.000.000)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	Đồng Nai	1,88%	1,88%	Sản xuất chỉ sợi cao su

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Máy và Vật tư thiết bị Sài Gòn	15.798.426.590	-	22.180.945.390	-
Aoigomu Kougyou Co., Ltd	10.793.950.729	-	6.483.710.116	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.930.321.088	-	4.492.682.700	-
Các đối tượng khác	65.112.274.925	(3.129.514.638)	64.214.165.886	(3.580.343.079)
	<u>94.634.973.332</u>	<u>(3.129.514.638)</u>	<u>97.371.504.092</u>	<u>(3.580.343.079)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>2.930.321.088</u>	<u>-</u>	<u>4.492.682.700</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Jining Long Steel Wire Rope Co., Ltd	1.183.618.035	-	-	-
Qingdao Xiangjie Rubber Machinery Co., Ltd	736.761.480	-	-	-
Pan Stone Hydraulic Ind Co., Ltd	-	-	1.726.125.000	-
Yi Tzung Precision Machinery Corp	-	-	1.185.497.600	-
Qingdao Toplit Industry Co., Ltd	-	-	1.152.621.293	-
Guangzhou Ecopower New Material Co., Ltd	-	-	1.015.115.850	-
Trả trước cho người bán khác	1.231.000.527	-	2.601.847.555	-
	<u>3.151.380.042</u>	<u>-</u>	<u>7.681.207.298</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	56.328.140	-	47.326.951	-
Tạm ứng	290.658.000	-	131.800.000	-
Ký cược, ký quỹ	201.936.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	-	-	5.922.398	-
	<u>548.922.140</u>	<u>-</u>	<u>188.049.349</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
VSRP Viaus	2.098.120.863	624.480.274	2.831.805.069	1.293.272.183
Superior Rubber and Plast	3.387.962.113	1.732.088.064	3.900.438.639	1.858.628.446
Các đối tượng khác	5.486.082.976	2.356.568.338	6.732.243.708	3.151.900.629

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	47.651.994.810	-	47.282.058.891	-
Công cụ, dụng cụ	585.723.259	-	910.541.975	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	4.295.009.783	-	5.916.318.666	-
Thành phẩm	19.567.163.051	-	11.821.568.212	-
Hàng hoá	864.561.881	-	852.766.438	-
Hàng gửi đi bán	13.808.864.915	-	12.682.429.208	-
	<b>86.773.317.699</b>	<b>-</b>	<b>79.465.683.390</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	37.854.436.217	197.828.950.988	14.194.179.983	276.309.065	250.153.876.253					
- Mua trong năm	-	5.363.674.200	1.309.490.864	-	6.673.165.064					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(240.427.380)	-	-	(240.427.380)					
Số dư cuối năm	<b>37.854.436.217</b>	<b>202.952.197.808</b>	<b>15.503.670.847</b>	<b>276.309.065</b>	<b>256.586.613.937</b>					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	20.507.149.557	138.942.776.269	9.179.513.130	231.503.507	168.860.942.463					
- Khấu hao trong năm	1.650.171.480	12.308.264.976	1.019.837.811	9.999.996	14.988.274.263					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(240.427.380)	-	-	(240.427.380)					
Số dư cuối năm	<b>22.157.321.037</b>	<b>151.010.613.865</b>	<b>10.199.350.941</b>	<b>241.503.503</b>	<b>183.608.789.346</b>					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	17.347.286.660	58.886.174.719	5.014.666.853	44.805.558	81.292.933.790					
Tại ngày cuối năm	<b>15.697.115.180</b>	<b>51.941.583.943</b>	<b>5.304.319.906</b>	<b>34.805.562</b>	<b>72.977.824.591</b>					

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 32.284.041.771 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 84.917.997.497 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	126.496.667
Chi phí bảo hiểm	28.634.622	28.388.145
	<b>28.634.622</b>	<b>154.884.812</b>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi (*)	23.645.795.478	24.555.249.150
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	787.701.679	1.421.965.414
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.437.137.185	2.903.886.629
	<b>27.870.634.342</b>	<b>28.881.101.193</b>

(\*) Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, Xã Trung Lập, Huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048 với diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m<sup>2</sup>. Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê với tổng số tiền là 27.018.352.845 VND.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	5.559.310.000	5.559.310.000	5.155.205.000	5.155.205.000
Công ty TNHH Thương mại Bảo Tượng	3.161.520.000	3.161.520.000	2.239.479.000	2.239.479.000
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại TTH	2.517.493.075	2.517.493.075	63.156.940	63.156.940
Công ty TNHH Vận tải Hành Tinh Xanh	-	-	3.209.388.900	3.209.388.900
Các đối tượng khác	13.411.986.740	13.411.986.740	16.097.362.328	16.097.362.328
	<b>24.650.309.815</b>	<b>24.650.309.815</b>	<b>26.764.592.168</b>	<b>26.764.592.168</b>

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
AFM Industries.	318.310.740	-
Công ty TNHH Vật tư thiết bị Nam Long	287.572.874	-
AFM International Inc.	174.573.000	-
Công ty TNHH Mỹ Anh Hà Nam	-	1.158.663.000
Mulhern Belting, Inc-New Jersey	-	897.877.462
Công ty Cổ phần Lilama 10	-	614.697.116
Các đối tượng khác	64.454.000	375.684.900
	<b>844.910.614</b>	<b>3.046.922.478</b>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	94.739.142	4.427.747.737	4.522.486.879	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	1.018.761.800	1.018.761.800	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.135.083.462	4.877.378.834	5.118.360.545	894.101.751
Thuế Thu nhập cá nhân	255.271.973	1.198.848.674	1.366.390.219	87.730.428
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	355.246.080	355.246.080	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>1.485.094.577</b>	<b>11.880.983.125</b>	<b>12.384.245.523</b>	<b>981.832.179</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	206.523.866	138.897.843
Chi phí phải trả khác	278.664.345	344.664.345
	<b>485.188.211</b>	<b>483.562.188</b>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	82.483.451	75.334.488
Bảo hiểm xã hội	388.458.014	41.411.582
Bảo hiểm y tế	62.087.360	609.876
Bảo hiểm thất nghiệp	27.485.065	135.258
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.113.049.000	3.415.067.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.940.000	6.942.600
	<b>1.698.502.890</b>	<b>3.539.500.804</b>

## 17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn (*)	46.112.717.593	46.112.717.593	119.509.134.417	108.114.803.723	57.507.048.287	57.507.048.287
	<u>46.112.717.593</u>	<u>46.112.717.593</u>	<u>119.509.134.417</u>	<u>108.114.803.723</u>	<u>57.507.048.287</u>	<u>57.507.048.287</u>

## Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:

(\*) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/62647/HĐTD ngày 29/07/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: Tối đa 70.000.000.000 VND và ngoại tệ quy đổi trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư báo lãnh, mở L/C tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/62647 ngày 28/06/2021 và Phụ lục hợp đồng ngày 27/07/2022 sang;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, báo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 07/07/2023;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 51.341.921.184 VND và 260.296,69 USD, tương đương 6.165.127.103 VND;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm là Máy móc thiết bị theo Danh mục tài sản thế chấp đi kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21/06/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐTC-62647 ngày 30/09/2017.

## 18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND				
Số dư đầu năm trước	123.749.970.000	26.340.019.200	31.711.715.531	24.853.669.301	206.655.374.032	
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.697.184.017	21.697.184.017	
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(12.374.997.000)	(12.374.997.000)	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.339.376.205)	(4.339.376.205)	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.224.859.904	(4.224.859.904)	-	
Chi thường ban điều hành	-	-	-	(94.416.666)	(94.416.666)	
Số dư cuối năm trước	<u>123.749.970.000</u>	<u>26.340.019.200</u>	<u>35.936.575.435</u>	<u>25.517.203.543</u>	<u>211.543.768.178</u>	
Số dư đầu năm nay	123.749.970.000	26.340.019.200	35.936.575.435	25.517.203.543	211.543.768.178	
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.621.364.579	18.621.364.579	
Chi trả cổ tức (12% vốn điều lệ) (*)	-	-	-	(14.849.996.400)	(14.849.996.400)	
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	4.339.436.803	(4.339.436.803)	-	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(4.904.201.247)	(4.904.201.247)	
Trích Quỹ khen thưởng HDQT, BDH (*)	-	-	-	(113.000.000)	(113.000.000)	
Số dư cuối năm nay	<u>123.749.970.000</u>	<u>26.340.019.200</u>	<u>40.276.012.238</u>	<u>19.931.933.672</u>	<u>210.297.935.110</u>	

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28/06/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận để lại của các năm trước		3.820.019.526
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021		21.697.184.017
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	25.517.203.543
Chi trả cổ tức (12% vốn điều lệ)	58,20	14.849.996.400
Trích Quỹ đầu tư phát triển	17,01	4.339.436.803
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19,22	4.904.201.247
Trích Quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành	0,44	113.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	48,85	60.456.580.000	48,85	60.456.580.000
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	19,86	24.575.780.000	19,86	24.575.780.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	18,67	23.100.000.000	18,67	23.100.000.000
Các cổ đông khác	12,62	15.617.610.000	12,62	15.617.610.000
	<b>100</b>	<b>123.749.970.000</b>	<b>100</b>	<b>123.749.970.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	123.749.970.000	123.749.970.000
- Vốn góp cuối năm	123.749.970.000	123.749.970.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	3.415.067.000	1.177.743.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	14.849.996.400	12.374.997.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	14.849.996.400	12.374.997.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(17.152.014.400)	(10.137.673.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.152.014.400)	(10.137.673.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.113.049.000	3.415.067.000

d) Cổ phiếu	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

#### 19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	40.276.012.238	35.936.575.435
	<b>40.276.012.238</b>	<b>35.936.575.435</b>

b) Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đồng đô la Mỹ (USD)	326.237,69	69.042,86
Đồng Yên Nhật (JPY)	-	13.113.416,00

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	15.495.035.231	11.659.265.160
Doanh thu bán thành phẩm	322.566.516.643	336.447.787.397
	<b>338.061.551.874</b>	<b>348.107.052.557</b>
	<b>18.300.805.000</b>	<b>18.600.815.000</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	3.660.000	30.000.000
	<b>3.660.000</b>	<b>30.000.000</b>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.665.319.481	9.963.836.598
Giá vốn của thành phẩm đã bán	249.242.205.845	258.590.705.336
	<b>262.907.525.326</b>	<b>268.554.541.934</b>
	<b>23.862.504.960</b>	<b>26.550.710.400</b>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	239.371.914	271.121.233
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.744.414.450	743.197.341
	<b>1.983.786.364</b>	<b>1.014.318.574</b>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.177.241.895	1.596.204.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.423.827.082	733.234.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	138.552.248	259.207.821
Chi phí liên quan đến thanh lý khoản đầu tư tài chính	-	190.536.364
	<b>3.739.621.225</b>	<b>2.779.182.844</b>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.869.853.263	3.036.367.782
Chi phí nhân công	7.014.644.449	7.408.576.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.207.344	67.729.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.854.203.762	28.130.683.031
Chi phí khác bằng tiền	104.205.411	3.400.000
Chi phí bảo hành	255.481.985	133.056.838
	<b>39.160.596.214</b>	<b>38.779.813.672</b>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	773.004.358	889.008.298
Chi phí nhân công	6.545.909.988	6.014.005.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	276.488.955	242.636.145
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(450.828.441)	886.616.511
Thuế, phí, và lệ phí	90.908.413	89.557.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.365.208.334	2.581.412.456
Chi phí khác bằng tiền	843.749.816	1.362.942.284
	<b>10.444.441.423</b>	<b>12.066.178.323</b>

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	70.277.778	240.000.000
Thu nhập từ bán phế liệu	41.513.173	195.901.579
Thu nhập khác	104.541	4.403.446
	<b>111.895.492</b>	<b>440.305.025</b>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	275.000.000	64.903.296
Chi phí khác	127.646.129	29.711.098
	<b>402.646.129</b>	<b>94.614.394</b>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	23.498.743.413	27.257.344.989
Các khoản điều chỉnh tăng	888.150.755	543.459.873
- Chi phí không hợp lệ	320.583.000	49.300.000
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	312.567.755	275.159.873
- Thù lao HDQT không trực tiếp tham gia điều hành	255.000.000	219.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	24.386.894.168	27.800.804.862

Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.135.083.462	818.431.640
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.118.360.545)	(5.243.509.150)
	<b>894.101.751</b>	<b>1.135.083.462</b>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.621.364.579	21.697.184.017
Các khoản điều chỉnh	-	(5.017.201.247)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(5.017.201.247)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.621.364.579	16.679.982.770
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.374.997	12.374.997
	<b>1.505</b>	<b>1.348</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28/06/2022, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2021, do đó, Công ty trình bày lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, cụ thể như sau:

	Năm 2021	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	21.697.184.017	21.697.184.017
Các khoản điều chỉnh	-	(5.017.201.247)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(5.017.201.247)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.697.184.017	16.679.982.770
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.374.997	12.374.997
	<b>1.753</b>	<b>1.348</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	204.011.731.004	190.882.113.914
Chi phí nhân công	43.071.536.887	46.183.006.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.988.274.263	15.942.879.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.688.450.937	43.562.667.614
Chi phí khác bằng tiền	1.325.998.304	1.928.643.778
	<b>306.085.991.395</b>	<b>298.499.311.248</b>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.806.794.785	-	-	22.806.794.785
Phải thu khách hàng, phải thu khác	92.054.380.834	-	-	92.054.380.834
Các khoản cho vay	1.643.864.054	-	-	1.643.864.054
	<b>116.505.039.673</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>116.505.039.673</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền	14.667.929.036	-	-	14.667.929.036
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.979.210.362	-	-	93.979.210.362
Các khoản cho vay	5.229.284.750	-	-	5.229.284.750
	<b>113.876.424.148</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>113.876.424.148</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	57.507.048.287	-	-	57.507.048.287
Phải trả người bán, phải trả khác	26.348.812.705	-	-	26.348.812.705
Chi phí phải trả	485.188.211	-	-	485.188.211
	<b>84.341.049.203</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>84.341.049.203</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	46.112.717.593	-	-	46.112.717.593
Phải trả người bán, phải trả khác	30.304.092.972	-	-	30.304.092.972
Chi phí phải trả	483.562.188	-	-	483.562.188
	<b>76.900.372.753</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>76.900.372.753</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
a) <b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	119.509.134.417	78.260.379.918
b) <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	107.940.704.165	66.104.237.692

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) **Theo lĩnh vực kinh doanh**

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh băng tải cao su, dây courroie, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) **Theo khu vực địa lý**

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	237.615.585.237	100.442.306.637	338.057.891.874
Tài sản bộ phận	281.659.755.506	27.571.449.033	309.231.204.539
Tổng chi phí mua TSCĐ	6.673.165.064	-	6.673.165.064



36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>18.300.805.000</b>	<b>18.600.815.000</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	18.300.805.000	18.600.815.000
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>23.862.504.960</b>	<b>26.550.710.400</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	23.862.504.960	26.550.710.400
<b>Chia cổ tức</b>	<b>12.975.883.200</b>	<b>10.813.236.000</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.254.789.600	6.045.658.000
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	2.949.093.600	2.457.578.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.772.000.000	2.310.000.000
<b>Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>2.930.321.088</b>	<b>4.492.682.700</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.930.321.088	4.492.682.700

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>	<b>2.205.000.000</b>	<b>2.350.000.000</b>
Ông Diệp Xuân Trường Chủ tịch HĐQT	54.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Việt Hà Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Văn Trọng Long Thành viên HĐQT	24.000.000	-
(Bổ nhiệm ngày 28/06/2022)		
Ông Nguyễn Thanh Phúc Thành viên HĐQT	48.000.000	-
(Bổ nhiệm ngày 07/01/2022)		
Ông Huỳnh Tấn Siêu Chủ tịch HĐQT	30.000.000	60.000.000
(Miễn nhiệm ngày 28/06/2022)		
Ông Phạm Đình Nhật Thành viên HĐQT	-	48.000.000
(Miễn nhiệm ngày 07/01/2022)		
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	708.000.000	706.000.000
Ông Huỳnh Anh Tuấn Phó Tổng Giám đốc	504.000.000	502.000.000
Bà Lưu Thị Tố Như Phó Tổng Giám đốc	336.000.000	502.000.000
(Miễn nhiệm ngày 05/08/2022)		

Giao dịch với các bên liên quan khác (Tiếp theo):

Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Dương Hoài Trinh Trưởng ban kiểm soát	363.000.000	346.000.000
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hương Thành viên BKS	15.000.000	30.000.000
(Miễn nhiệm ngày 28/06/2022)		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
Huỳnh Ngọc Sơn

Người lập

  
Huỳnh Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Nghiêm Vũ  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



*TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ**



Lô B3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi – đường Giáp Hải (D3) – xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.



(028) 3790 7619



(028) 3790 7461



[www.berubco.com.vn](http://www.berubco.com.vn)

